

PHẠM THỊ HỒNG HIỆP

QUẢN TRỊ KINH DOANH

KHÓA 2010A

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
-----***-----

PHẠM THỊ HỒNG HIỆP

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ
RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

LUẬN VĂN THẠC SỸ: KINH TẾ

Hà Nội – Năm 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI**

-----***-----

PHẠM THỊ HỒNG HIỆP

**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ
RỦI RO TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

LUẬN VĂN THẠC SỸ: KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. TRẦN VIỆT HÀ

Hà Nội – Năm 2013

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|------|---|
| TMCP | : Thương mại cổ phần |
| VIB | : Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam |
| NHNN | : Ngân hàng nhà nước |
| NHTM | : Ngân hàng thương mại |
| QLKH | : Quản lý khách hàng |
| QLRR | : Quản lý rủi ro |
| QLN | : Quản lý nợ |
| GDTD | : Giao dịch tín dụng |
| TSBĐ | : Tài sản bảo đảm |
| DNNN | : Doanh nghiệp nhà nước |
| FDI | : Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài |
| SME | : Doanh nghiệp nhỏ và vừa |
| DPRR | : Dự phòng rủi ro |
| TDH | Trung dài hạn |

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Trang

Bảng

Bảng 2.2: Kết quả hoạt động kinh doanh của VIB trong 3 năm gần đây23

Bảng 2.4: Chất lượng tín dụng của VIB trong 3 năm gần đây.....35

Bảng 2.5: Tỷ lệ trích dự phòng rủi ro tín dụng.....36

Sơ đồ

Sơ đồ 1.1: Chu trình quản trị rủi ro trong cho vay.....15

Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam.....22

Sơ đồ 2.3: Quy trình bán hàng.....25

Sơ đồ 3.1: Phân loại xếp hạng khách hàng.....71

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| PHẦN MỞ ĐẦU..... | 1 |
| 1.1 Lý do chọn đề tài..... | 1 |
| 1.2 Mục đích của luận văn. | 1 |
| 1.3 Phương pháp nghiên cứu | 2 |
| 1.4 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu | 2 |
| 1.5 Kết cấu của luận văn. | 2 |
| CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO | 4 |
| 1.1 Khái niệm về rủi ro tín dụng | 4 |
| 1.2 Các loại hình rủi ro tín dụng..... | 4 |
| 1.3 Các nguyên nhân gây nên rủi ro tín dụng | 6 |
| 1.3.1 Rủi ro do nguyên nhân khách quan | 6 |
| 1.3.2 Rủi ro do nguyên nhân chủ quan:..... | 11 |
| 1.4 Nội dung của quản trị rủi ro | 13 |
| 1.4.1 Khái niệm về quản trị rủi ro | 13 |
| 1.4.2 Nhận biết rủi ro trong hoạt động cho vay | 15 |
| 1.4.3 Đo lường rủi ro | 15 |
| 1.4.4 Hạn chế rủi ro | 16 |
| 1.4.5 Kiểm soát rủi ro | 17 |
| 1.4.6 Các chỉ tiêu phản ánh năng lực quản trị rủi ro trong cho vay..... | 17 |
| CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM | 20 |
| 2.1 Khái quát về ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam..... | 20 |
| 2.1.1 Mô hình tổ chức của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam | 21 |

| | | |
|--|--|-----------|
| 2.1.2 | Hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam trong những năm gần đây | 22 |
| 2.2 | Thực trạng quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam | 24 |
| 2.2.1 | Hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam | 24 |
| 2.2.2 | Thực trạng quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam..... | 28 |
| 2.2.3 | Chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế chi nhánh Việt Nam | 34 |
| 2.3 | Đánh giá thực trạng quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam | 38 |
| 2.3.1 | Kết quả | 38 |
| 2.3.2 | Hạn chế và nguyên nhân | 42 |
| 2.3.2.1 | Hạn chế trong quản trị rủi ro cho vay của VIB..... | 42 |
| 2.3.2.2 | Nguyên nhân..... | 43 |
| CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM..... | | 58 |
| 3.1 | Cơ sở giải pháp để hoàn thiện công tác quản trị rủi ro trong hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam..... | 58 |
| 3.2 | Mục tiêu của việc hoàn thiện công tác quản trị rủi ro trong hoạt động tín dụng tại Ngân hàng | 61 |
| 3.3 | Các giải pháp tăng cường quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam..... | 61 |
| 3.3.1 | Xây dựng chiến lược cho vay..... | 61 |
| 3.3.2 | Quản lý danh mục tiền vay..... | 63 |
| 3.3.3 | Hoàn thiện các quy trình trong hoạt động cho vay | 66 |
| 3.3.4 | Hoàn thiện hệ thống đo lường rủi ro | 69 |

| | | |
|---------------|---|----|
| 3.3.5 | Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ | 72 |
| 3.3.6 | Nâng cao trình độ cán bộ và hạn chế rủi ro đạo đức nghề nghiệp | 73 |
| 3.3.7 | Hiện đại hóa hệ thống thông tin quản lý | 74 |
| 3.3.8 | Hiện đại hóa công nghệ thông tin..... | 75 |
| 3.4 | Một số kiến nghị | 76 |
| 3.4.1 | Đối với ngân hàng nhà nước | 76 |
| 3.4.2 | Đối với chính phủ và cơ quan chức năng | 77 |
| KẾT LUẬN..... | | 81 |

PHẦN MỞ ĐẦU

1.1 Lý do chọn đề tài.

Tín dụng là một trong những hoạt động kinh doanh chủ yếu của các Ngân hàng thương mại nói chung và của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam nói riêng. Trong những năm qua, hoạt động tín dụng ngân hàng đã đạt được những thành tựu không nhỏ đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước. Tuy nhiên, hoạt động Ngân hàng luôn hàm chứa rủi ro, đặc biệt và thường xuyên là rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng có tác động rất lớn đối với hoạt động ngân hàng, nó không chỉ gây sự biến động lớn trong lợi nhuận mà còn có thể ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng phá sản của ngân hàng. Gần đây, công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại đã được chú trọng hơn song nhìn chung chưa được tiến hành một cách bài bản. Theo nhận định của World Bank, trong điều kiện mới có thời gian ngắn hoạt động theo cơ chế thị trường đồng thời những thay đổi liên tục và cơ bản trong môi trường pháp lý thời gian gần đây, các tổ chức tín dụng về cơ bản vẫn đang ở giai đoạn đầu của quá trình thực hiện các chính sách tín dụng chặt chẽ và các thông lệ tín dụng tốt nhất. Một trong những biểu hiện rõ nét nhất là việc các NHTM Việt Nam coi trọng và ưu tiên về tốc độ tăng trưởng tài sản hơn là lợi nhuận và vấn đề an toàn vốn. Với tình trạng như vậy, trong khi tín dụng vẫn là hoạt động chính của ngân hàng với tỷ lệ dư nợ tín dụng so với tổng tài sản trung bình hiện ở mức cao khoảng 50%, thì hoạt động rủi ro tín dụng có ý nghĩa sống còn đối với ngân hàng và cũng có nghĩa là sự ổn định của cả nền kinh tế. Vì vậy, quản trị rủi ro tín dụng - một vấn đề còn nhiều mới mẻ để triển khai trong thực tiễn là mối quan tâm hàng đầu của các ngân hàng thương mại hiện nay.

1.2 Mục đích của luận văn.

Nghiên cứu lý luận và thực tiễn đề luận giải về tầm quan trọng trong công tác quản trị rủi ro tín dụng

Phân tích thực trạng công tác quản lý rủi ro tín dụng trong tình trạng hiện nay và đánh giá những mặt được và chưa được của công tác này

Nghiên cứu công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam từ năm 2010 tới nay và đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro tín dụng trong tương lai

1.3 Phương pháp nghiên cứu .

Các phương pháp được sử dụng trong đề tài:

Phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử

Phương pháp so sánh

Phương pháp thống kê, phân tích kinh tế

Phương pháp nghiên cứu tài liệu và khảo sát thực tế

1.4 Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Giải pháp hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng

Khách thể nghiên cứu: Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam

Phạm vi nghiên cứu: Tại Việt Nam

1.5 Kết cấu của luận văn.

Chương 1: Những vấn đề chung về công tác quản trị rủi ro tín dụng

Chương 2: Thực trạng quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam.

CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

1.1 Khái niệm về rủi ro tín dụng

Trong điều kiện hiện nay, việc cấp tín dụng vẫn là một hoạt động cơ bản nhất của ngân hàng và đồng thời, rủi ro tín dụng cũng là loại rủi ro lớn nhất, thường xuyên xảy ra và gây hậu quả nặng nề nhất đối với hoạt động ngân hàng. Sở dĩ như vậy vì đối với hầu hết các ngân hàng, dư nợ tín dụng thường chiếm quá nửa giá trị tổng tài sản và tạo ra từ 1/2 đến 2/3 nguồn thu của ngân hàng. Vì thế, rủi ro tín dụng cũng được rất nhiều học giả nghiên cứu và đưa ra nhiều quan niệm về rủi ro tín dụng.

Về lý luận, rủi ro tín dụng được xem như là khả năng khách hàng không trả được nợ vay và lãi sử dụng tiền vay mà nguyên nhân là từ những tính huống không phát hiện được khi cho vay và dấu hiệu khác nhau: yếu tố chủ quan như quản trị- điều hành, trình độ tổ chức hoạt động; nguyên nhân khách quan như tình hình kinh tế- xã hội, hành lang pháp lý....

Theo quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam thì: *“Rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết”*.

1.2 Các loại hình rủi ro tín dụng

Có nhiều cách phân loại rủi ro tín dụng, việc sử dụng cách phân loại tùy thuộc vào mục đích nghiên cứu, mục đích quản lý. Đối với ngân hàng, việc phân loại có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thiết kế chính sách, quy trình, thủ tục và cả mô hình tổ chức nhằm đảm bảo nhận biết đầy đủ các yếu tố làm phát

sinh rủi ro và phân biệt trách nhiệm rõ ràng giữa các bộ phận, giữa các khâu. Thực tế cho thấy, sự phân tách trách nhiệm càng rõ ràng, càng cụ thể thì sẽ làm cho việc quản lý rủi ro hiệu quả. Do vậy, căn cứ vào các tiêu thức khác nhau, có thể chia rủi ro tín dụng thành nhiều loại khác nhau như căn cứ vào đối tượng, phạm vi, các giai đoạn cấp tín dụng, các sản phẩm của ngân hàng trong hoạt động tín dụng, tính chất của rủi ro và kỳ hạn của các khoản vay:

+ Nếu phân theo đối tượng sử dụng thì có 3 nhóm chính là: (i) Rủi ro khách hàng cá thể, (ii) Rủi ro doanh nghiệp/ tổ chức kinh tế; (iii) Rủi ro quốc gia hay khu vực địa lý.

+ Nếu phân theo phạm vi thì có thể chia ra 2 loại: (i) Rủi ro cá lẻ/ giao dịch (được hiểu là rủi ro gắn với một giao dịch cụ thể nào đó, như đối với một khoản vay của khách hàng. Loại rủi ro này gắn liền và xuất phát chủ yếu do đặc điểm cá biệt của một khoản vay/ khách hàng; (ii) Rủi ro hệ thống (rủi ro gắn với một nhóm khách hàng, chẳng hạn đối với một ngành, thậm chí cả một nền kinh tế. Loại rủi ro này mang tính chất vĩ mô và liên quan đến việc quản lý danh mục tín dụng).

+ Nếu phân theo giai đoạn phát sinh rủi ro thì có 3 loại: (i) Rủi ro trong thẩm định, tức là đánh giá sai khách hàng, (ii) Rủi ro khi cho vay, chẳng hạn như giải ngân sai mục đích làm cho khoản vay không phát huy hiệu quả; (iii) Rủi ro trong khi quản lý, xử lý thu nợ.

+ Nếu phân loại theo sản phẩm thì có 2 loại sau: (i) Rủi ro các sản phẩm nội bảng (cho vay, thấu chi); (ii) Rủi ro các sản phẩm ngoại bảng (chiết khấu, thư tín dụng, bảo lãnh).

+ Nếu căn cứ vào tính chất của rủi ro: (i) Rủi ro khách quan xảy ra do thiên tai, dịch họa, người vay chạy chôn, mất tích; (ii) Rủi ro chủ quan xảy ra do người vay hoặc người cho vay vô tình hoặc cố ý làm cho thất thoát vốn vay.

+ Nếu căn cứ vào thời hạn khoản vay: (i) Rủi ro theo các khoản vay ngắn hạn; (ii) Rủi ro theo các khoản vay trung dài hạn.

1.3 Các nguyên nhân gây nên rủi ro tín dụng

Trong bối cảnh hiện nay các ngân hàng khi cho vay luôn phải đối mặt với rủi ro. Với khả năng cho vay, các ngân hàng thương mại thúc đẩy quá trình đầu tư, sản xuất và lưu thông hàng hoá, do đó góp một ý nghĩa quan trọng đối với nền kinh tế và đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên, để xác định nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng, cần tập trung vào một số nguyên nhân sau

1.3.1 Rủi ro do nguyên nhân khách quan

Rủi ro do nguyên nhân khách quan bị tác động bởi các nhân tố như: Sự bất khả kháng từ môi trường; sự bất thường về cơ chế chính sách kinh tế của nhà nước, môi trường không ổn định; môi trường pháp lý; thiếu sự quy hoạch, phân bổ đầu tư một cách hợp lý; môi trường pháp lý; hệ thống quản lý thông tin; khách hàng,....

- Sự bất khả kháng từ môi trường như: Thiên tai, dịch bệnh phá hoại sản xuất kinh doanh. Đây là những biến cố khách quan không thể lường trước được, có tác động trực tiếp và ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Những biến cố này có thể làm cho Ngân hàng cho vay mất trắng vốn do không thể thu hồi được nợ.

- Sự bất thường về cơ chế chính sách kinh tế của nhà nước cũng là những nguyên nhân khách quan gây nên rủi ro tín dụng do khi có sự thay đổi về vấn đề

chính chi, chế độ, luật pháp của nhà nước hoặc thay đổi địa giới hành chính các địa phương, sự sát nhập hoặc tách ra của các bộ, ngành trong nền kinh tế sẽ làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của mỗi doanh nghiệp, điều này đồng nghĩa với việc kéo theo ảnh hưởng đến khả năng hoàn trả cho vay của khách hàng cho ngân hàng, dẫn đến rủi ro không thu hồi được nợ vay.

- Môi trường không ổn định cũng là một nguyên nhân khách quan tạo nên rủi ro tín dụng, ví như sự biến động quá nhanh và không dự đoán được của thị trường thế giới cũng là 1 nguyên nhân do nền kinh tế của VN vẫn còn lệ thuộc quá nhiều vào sản xuất nông nghiệp và công nghiệp phục vụ nông nghiệp (nuôi trồng, chế biến thực phẩm và nguyên liệu), dầu thô, may gia công,... các ngành nghề này vốn rất nhạy cảm với rủi ro thời tiết và giá cả thế giới nên rất dễ bị tổn thương khi thị trường thế giới biến động xấu. Do vậy khi thị trường thế giới biến động nhanh và không dự đoán được thì việc sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước bị ảnh hưởng nặng nề dẫn đến rủi ro cho ngân hàng đầu tư vốn vào các doanh nghiệp cũng như khách hàng cá nhân.

Sự tấn công của hàng lậu cũng là nguyên nhân làm điều đứng các doanh nghiệp sản xuất trong nước. Hàng nhập lậu tràn lan khắp nơi, hầu hết trên mọi mặt hàng đều có hàng nhập lậu, mẫu mã, chủng loại đa dạng, giá cả phải chăng. Điều này làm cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong nước khó cạnh tranh được với mặt hàng này dẫn đến sản xuất, kinh doanh kém hiệu quả làm cho các ngân hàng có rủi ro về tín dụng khi đầu tư vốn cho các doanh nghiệp này;

- Thiếu sự quy hoạch, phân bổ đầu tư một cách hợp lý đã dẫn đến khủng hoảng thừa về đầu tư trong một số ngành:

Ở nước ta trong một số năm gần đây thiếu sự điều tiết vĩ mô của nhà nước về việc quy hoạch, phân bổ đầu tư ngành nghề dẫn đến sự gia tăng quá đáng vốn đầu tư vào một số ngành, dẫn đến khủng hoảng thừa, lãng phí tài nguyên quốc gia.

- Môi trường pháp lý. Như tất cả chúng ta đã biết hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh với đối tượng hàng hoá đặc biệt là tiền tệ, cái mà NHTM cần trước nhất là hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ và phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế. Hệ thống pháp luật quốc gia với các bộ luật và văn bản dưới luật chưa được đầy đủ, đồng bộ, hợp lý, thường xuyên thay đổi sẽ không đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh cho các hoạt động kinh tế, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến rủi ro trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và gián tiếp tác động tới Ngân hàng. Bên cạnh đó là sự kém hiệu quả của cơ quan pháp luật cấp địa phương:

Luật và các văn bản đã có song việc triển khai vào hoạt động ngân hàng thì hết sức chậm chạp và còn gặp phải nhiều vướng mắc bất cập như một số văn bản về việc cưỡng chế thu hồi. Những văn bản này đều có quy định: Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ, NHTM có quyền xử lý tài sản đảm bảo nợ vay. Trên thực tế, các NHTM không làm được điều này vì ngân hàng là một tổ chức kinh tế, không phải là cơ quan quyền lực nhà nước, không có chức năng cưỡng chế buộc khách hàng bàn giao tài sản đảm bảo cho ngân hàng để xử lý và việc xử lý phải qua con đường tố tụng...cùng nhiều các quy định khác dẫn đến tình trạng NHTM không thể giải quyết được nợ tồn đọng, tài sản tồn đọng

- Thêm vào đó là sự thanh tra, kiểm tra, giám sát chưa hiệu quả của NHNN: Bên cạnh những cố gắng và kết quả đạt được, hoạt động của thanh tra ngân hàng

và đảm bảo an toàn hệ thống chưa có sự cải thiện căn bản về chất lượng. Một phần do năng lực của cán bộ thanh tra, một phần do công nghệ sử dụng chưa theo kịp thời đại. Đồng thời nội dung và phương pháp thanh tra, giám sát lạc hậu, chậm được đổi mới. Mô hình tổ chức còn nhiều bất cập, hoạt động một cách thụ động theo kiểu xử lý vụ việc đã phát sinh, ít có khả năng ngăn chặn và phòng ngừa rủi ro vi phạm. Do vậy mà có những vi phạm của của NHTM không được NHNN cảnh báo, có biện pháp ngăn chặn từ đầu

- Hệ thống thông tin quản lý còn bất cập: Hiện nay ở Việt Nam chưa có một cơ chế công bố thông tin đầy đủ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và ngân hàng. Khiến các ngân hàng thiếu thông tin minh bạch về khách hàng, về tài sản bảo đảm của khách hàng dẫn đến những quyết định đầu tư vốn thiếu chính sách gây tổn thất vốn.

- Rủi ro do nguyên nhân từ phía khách hàng

Nguyên nhân từ phía khách hàng là một trong những nguyên nhân chính gây ra rủi ro trong cho vay. Đó cũng là lý do khiến Ngân hàng phải luôn tìm hiểu, nắm vững tư cách trong vay trả cũng như “tình hình sức khỏe” của khách hàng trước, trong và sau khi cho vay thì cũng sẽ hạn chế được rất nhiều rủi ro trong cho vay. Một trong những nguyên nhân chủ quan của khách hàng dẫn đến rủi ro tín dụng ngân hàng như:

➤ Sử dụng vốn sai mục đích, không có thiện chí trong việc trả nợ vay

Đa số các doanh nghiệp khi vay vốn ngân hàng đều có các phương án kinh doanh cụ thể, khả thi. Số lượng các doanh nghiệp sử dụng vốn sai mục đích, cố ý lừa đảo ngân hàng để chiếm đoạt tài sản không nhiều. Tuy nhiên những vụ việc phát sinh lại hết sức nặng nề và hầu như những vụ việc này đều làm cho

ngân hàng mất vốn hoàn toàn. Đồng thời nó làm liên quan đến uy tín của các cán bộ, của ngân hàng cho vay và làm ảnh hưởng xấu đến các doanh nghiệp khác.

➤ Khả năng quản lý kinh doanh kém

Khi các doanh nghiệp vay tiền ngân hàng để mở rộng quy mô kinh doanh, đa phần là tập trung vốn đầu tư vào tài sản vật chất chứ ít doanh nghiệp nào mạnh dạn đổi mới cung cách quản lý, đầu tư cho bộ máy giám sát kinh doanh, tài chính, kế toán theo đúng chuẩn mực. Quy mô kinh doanh phình ra quá to so với tư duy quản lý là nguyên nhân dẫn đến sự phá sản của các phương án kinh doanh đầy khả thi mà lẽ ra nó phải thành công trên thực tế. Chính sự khả năng quản lý kinh doanh yếu kém của các doanh nghiệp đã dẫn tới việc kinh doanh sa sút, nguồn vốn vay của ngân hàng bị thâm hụt

➤ Tình hình tài chính doanh nghiệp yếu kém, thiếu minh bạch:

Quy mô tài sản, nguồn vốn nhỏ bé, tỷ lệ nợ so với vốn tự có cao là đặc điểm chung của hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, thói quen ghi chép đầy đủ, chính xác, rõ ràng các sổ sách kế toán vẫn chưa được các doanh nghiệp tuân thủ nghiêm chỉnh và trung thực. Do vậy, sổ sách kế toán mà các doanh nghiệp cung cấp cho ngân hàng nhiều khi chỉ mang tính chất hình thức hơn là thực chất. Khi cán bộ ngân hàng lập các bản phân tích tài chính của doanh nghiệp dựa trên số liệu do các doanh nghiệp cung cấp, thường thiếu tính thực tế và xác thực. Đây cũng là nguyên nhân vì sao ngân hàng vẫn luôn xem nặng phần tài sản thế chấp như là chỗ dựa cuối cùng để phòng chống rủi ro tín dụng.

Bên cạnh đó cũng có trường hợp, ngân hàng gặp phải rủi ro tín dụng do khách hàng cố ý lừa đảo ngân hàng, cho dù công việc kinh doanh có lãi họ vẫn không trả nợ ngân hàng đúng hạn với hy vọng sử dụng vốn vay càng lâu càng tốt, sử dụng vốn vay không đúng mục đích hoặc chây ì để không trả nợ ngân hàng. Để đạt được mục đích, người đi vay thường dùng mọi biện pháp để ứng phó với ngân hàng như cung cấp sai thông tin bao gồm thông tin về doanh nghiệp, về mặt hàng kinh doanh, khả năng trả nợ, làm khả năng đánh giá của cán bộ ngân hàng không chính xác.

1.3.2 Rủi ro do nguyên nhân chủ quan:

Nguyên nhân chủ quan gây rủi ro tín dụng là nguyên nhân nội tại của mỗi ngân hàng cho vay chúng ta có thể kể một số nguyên nhân chính sau:

- + Nguyên nhân đầu tiên thuộc về ngân hàng phải kể đến là việc không chấp hành nghiêm túc chế độ tín dụng và điều kiện cho vay. Qua khảo sát nhiều ngân hàng đã cho một khách hàng vay vượt 15% vốn tự có. Hoặc có nhiều khách hàng không thuộc đối tượng cấp tín dụng, không thỏa mãn điều kiện cho vay nhưng nhiều ngân hàng vẫn cấp tín dụng;
- + Nguyên nhân thứ 2 về phía ngân hàng là chính sách tín dụng và quy trình cho vay còn lỏng lẻo, chưa chú trọng đến phân tích khách hàng để tính toán điều kiện và khả năng trả nợ hoặc phương pháp xem xét phân tích còn hạn chế, chưa chính xác. Quy trình, chính sách tín dụng của nhiều ngân hàng còn ngắn hạn, quy định, quy chế chồng chéo nhau, thiếu tính thực tế. Nhiều ngân hàng xây dựng quy trình cho các nghiệp vụ còn thiếu sự đồng bộ, chưa chặt chẽ. Đây chính là những kẽ hở lớn góp phần gia tăng rủi ro tín dụng;

+ Nguyên nhân thứ 3 là kỹ thuật cấp tín dụng chưa hiện đại, chưa đa dạng như việc xác định hạn mức tín dụng cho khách hàng còn quá đơn giản, thời hạn chưa phù hợp, chủ yếu là tín dụng trực tiếp.

+ Nguyên nhân thứ 4 là thiếu thông tin về khách hàng hay thiếu thông tin tín dụng tin cậy, kịp thời, chính xác để xem xét, phân tích trước khi cấp tín dụng. Hay nói cách khác là thiếu sự hợp tác giữa các NHTM, vai trò của CIC chưa thực sự hiệu quả

Kinh doanh ngân hàng là một nghề đặc biệt huy động vốn để cho vay hay nói cách khác đi vay để cho vay, do vậy vấn đề rủi ro trong hoạt động tín dụng là không thể tránh khỏi, các ngân hàng cần phải hợp tác chặt chẽ với nhau nhằm hạn chế rủi ro. Sự hợp tác nảy sinh do nhu cầu quản lý rủi ro đối với cùng một khách hàng khi khách hàng này vay tiền tại nhiều ngân hàng. Trong quản trị tài chính, khả năng trả nợ của một khách hàng là một con số cụ thể, có giới hạn tối đa của nó. Nếu do sự thiếu trao đổi thông tin, dẫn đến việc nhiều ngân hàng cùng cho vay một khách hàng đến mức vượt quá giới hạn tối đa này thì rủi ro chia đều cho tất cả chứ không chừa một ngân hàng nào.

Trong tình hình cạnh tranh giữa các NHTM ngày càng gay gắt như hiện nay, vai trò của CIC là rất quan trọng trong việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác để các ngân hàng có các quyết định cho vay hợp lý. Đáng tiếc là hiện nay ngân hàng dữ liệu của CIC chưa đầy đủ và thông tin còn quá đơn điệu, chưa được cập nhật và xử lý kịp thời

+ Nguyên nhân nữa phải kể đến đó là năng lực và phẩm chất cán bộ tín dụng và vấn đề quản lý sử dụng, đãi ngộ của cán bộ ngân hàng.

Trong những năm gần đây rủi ro tín dụng mà nguyên nhân do cán bộ tín dụng và cấp quản lý xảy ra ngày càng nhiều. Một số vụ án kinh tế lớn trong thời gian vừa qua có liên quan đến cán bộ NHTM đều có sự tiếp tay của một số cán bộ ngân hàng cùng với khách hàng làm giả hồ sơ vay, hay nâng giá tài sản thế chấp, cầm cố lên quá cao so với thực tế để rút tiền ngân hàng.

Đạo đức của cán bộ là một trong các yếu tố tối quan trọng để giải quyết vấn đề hạn chế rủi ro tín dụng. Một cán bộ kém về năng lực có thể bồi dưỡng thêm, nhưng một cán bộ tha hóa về đạo đức mà lại giỏi về mặt nghiệp vụ thì thật vô cùng nguy hiểm khi được bố trí trong công tác tín dụng.

1.4 Nội dung của quản trị rủi ro

1.4.1 Khái niệm về quản trị rủi ro

- *Khái niệm:*

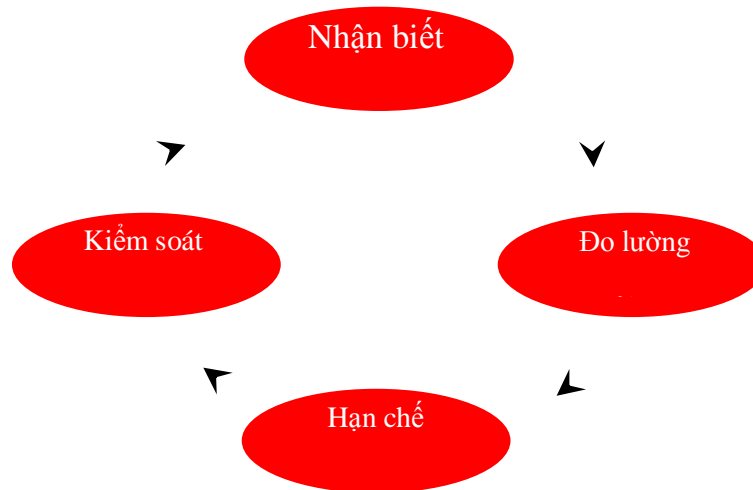
Quản trị rủi ro của NHTM có thể hiểu là quá trình tác động có tổ chức, có hướng đích của các nhà quản trị ngân hàng lên các đối tượng quản trị và khách thể kinh doanh nhằm mục tiêu phòng ngừa, hạn chế và làm giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh, từ đó nâng cao mức độ an toàn, khả năng sinh lời và đạt được mục tiêu tăng trưởng trong ngắn hạn và dài hạn của mỗi NHTM. Hiểu được một cách đơn giản thì quản trị rủi ro chính là quá trình các NHTM áp dụng các nguyên lý, các phương pháp và kinh nghiệm quản trị kinh doanh của NHTM ở các quốc gia phát triển và hoạt động kinh doanh của mình để giám sát, phòng ngừa, hạn chế và giảm thấp rủi ro trong hoạt động tín dụng, đầu tư và các hoạt động kinh doanh khác để giảm thiểu tổn thất thiệt hại cho ngân hàng, đồng thời không ngừng nâng cao sức mạnh và uy tín của ngân hàng trên thương trường.

Hay nói một cách cụ thể hơn thì Quản trị rủi ro tín dụng là quá trình xây dựng và thực thi các chiến lược, các chính sách quản lý và kinh doanh tín dụng nhằm đạt được các mục tiêu an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững; tăng cường các biện pháp phòng ngừa, hạn chế và giảm thấp nợ quá hạn, nợ xấu trong kinh doanh tín dụng, từ đó tăng doanh thu, giảm chi phí và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động kinh doanh cả trong ngắn hạn và dài hạn của ngân hàng. Theo quan điểm hiện đại hiện được các ngân hàng áp dụng phổ biến, quản trị rủi ro tín dụng nhằm tối đa hoá lợi nhuận được điều chỉnh theo yếu tố rủi ro bằng cách duy trì mức độ rủi ro tín dụng trong một phạm vi chấp nhận được. Hiệu quả quản trị rủi ro là một phần trọng yếu trong cách tiếp cận quản trị rủi ro tổng thể và được coi là đóng vai trò cốt yếu cho sự thành công của ngân hàng trong dài hạn (Basel, 2000).

- ***Mục đích của quản trị rủi ro trong cho vay là:***

- + Bảo vệ ngân hàng khỏi những thất bại mất mát không dự tính được
- + Bảo đảm mức độ rủi ro mà Ngân hàng phải gánh chịu không vượt quá khả năng về vốn và tài chính
- + Đảm bảo không ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh và tồn tại của Ngân hàng

- ***Hoạt động quản trị rủi ro trong cho vay có thể được mô tả là một chu trình bao gồm 04 giai đoạn sau:***



Sơ đồ 1.1: Chu trình quản trị rủi ro trong cho vay

1.4.2 Nhận biết rủi ro trong hoạt động cho vay

Cơ sở cho việc quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay hiệu quả là việc xác định những rủi ro tiềm tàng và rủi ro hiện có trong bất cứ sản phẩm hay hoạt động nào của Ngân hàng. Một mức độ rủi ro trong hoạt động cho vay chấp nhận được có thể được thiết lập. Việc Ngân hàng phát hiện tất cả các rủi ro trong các sản phẩm cho vay và trong quá trình hoạt động của mình là rất quan trọng. Để làm được như vậy Ngân hàng cần xem xét kỹ lưỡng các đặc thù rủi ro của từng sản phẩm cho vay cũng như trong quá trình hoạt động của mình. Rủi ro hoạt động cho vay có thể được phát hiện qua những yếu tố tạo nên rủi ro như: Rủi ro do nguyên nhân khách quan, rủi ro do nguyên nhân chủ quan

1.4.3 Đo lường rủi ro

- Đây được xem là một quá trình mà trong đó, các rủi ro trong hoạt động cho vay của ngân hàng nhằm hỗ trợ trong việc ra quyết định cho vay, theo dõi khoản vay và thu hồi nợ vay được lượng hoá. Quy trình lượng hoá này cần phải được cân nhắc để có thể tính toán được mọi rủi ro mang tính trọng yếu và phù hợp với năng lực trong triển khai của ngân hàng. Trên cơ sở công nghệ, số liệu báo cáo và kỹ thuật thống kê, các ngân hàng có thể tính toán được mức độ rủi ro cụ thể (thường được xác định thành tiền), cụ thể để phục vụ cho công tác lượng

hoá rủi ro trong hoạt động cho vay để làm cơ sở ra quyết định trong cho vay đối với ngân hàng thương mại cần phải quan tâm đến hệ thống cho điểm xếp hạng đối với khách hàng

- Với một số lượng lớn các khách hàng vay vốn, thường từ vài nghìn đến vài chục nghìn khách hàng, Hệ thống xếp hạng khách hàng nội bộ là một công cụ thực sự đắc lực trong quản lý rủi ro cho vay của ngân hàng. Nếu không có một hệ thống tổng hợp và xử lý thông tin sẵn có thì các ngân hàng sẽ rất khó khăn trong việc đánh giá và so sánh rủi ro của rất nhiều khách hàng khác nhau với các thông tin đa dạng của từng khách hàng. Theo thông lệ, xếp hạng khách hàng nội bộ có thể được sử dụng trong các lĩnh vực quản lý rủi ro cho vay như sau: Chính sách và quy trình cho vay, giám sát rủi ro danh mục cho vay, lập báo cáo quản trị rủi ro, lập dự phòng rủi ro, xác định mức vốn an toàn tối thiểu, phân tích hiệu quả sinh lời của danh mục cho vay và xác định khung lãi suất tiêu chuẩn.

Tóm lại, hệ thống xếp hạng khách hàng nội bộ là một cấu phần trọng yếu trong Hệ thống quản lý rủi ro cho vay của ngân hàng thương mại, là một trong những tiêu chí phản ánh rủi ro của khoản mục cho vay của ngân hàng; cũng như góp phần hình thành và phản ánh bản chất của các quyết định cho vay mà các ngân hàng thương mại thực hiện hàng ngày

1.4.4 Hạn chế rủi ro

Các giới hạn rủi ro phải thống nhất với các chính sách của Ngân hàng và các hạn mức đã được phê duyệt.

Việc hạn chế rủi ro là nhằm bảo đảm các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng không chứa đựng những rủi ro làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng cạnh tranh của Ngân hàng.

1.4.5 Kiểm soát rủi ro

- Kiểm soát rủi ro là khâu thể hiện rõ nhất chiến lược cũng như tư tưởng của mỗi ngân hàng trong cho vay. Để kiểm soát rủi ro tốt thì ngân hàng cần phải có một hệ thống cơ cấu tổ chức hướng tới quản trị rủi ro và các công cụ hạn chế rủi ro (Thiết lập các giới hạn rủi ro tối đa, phân cấp thẩm quyền, các cơ sở ra quyết định cho vay...)

- Các hoạt động kiểm soát phải được xem là hoạt động không thể tách rời trong hoạt động cho vay thường ngày của ngân hàng:

+ Kiểm tra ở cấp độ lãnh đạo cấp cao

+ Kiểm soát hoạt động cho vay hàng ngày: những kiểm tra này được tiến hành thường xuyên, liên tục, chi tiết

+ Đặt ra giới hạn rủi ro và tuân thủ giới hạn đó

+ Phân cấp phê duyệt tín dụng hợp lý để quản lý rủi ro hiệu quả

+ Kiểm tra và đối chiếu: Yêu cầu bộ phận giám sát tín dụng, kiểm toán nội bộ kiểm tra, giám sát theo đúng định kỳ để ra hoặc đột xuất theo cảnh báo, sự vụ phát sinh.

1.4.6 Các chỉ tiêu phản ánh năng lực quản trị rủi ro trong cho vay

Có thể đánh giá được mức độ thành công của hệ thống quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay thông qua một số chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ :

Nợ xấu

Tổng dư nợ

Nợ xấu bao gồm nợ quá hạn từ nhóm 3 đến nhóm 5, nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc nợ xấu theo hệ thống xếp hạng nội bộ của ngân hàng.

Các ngân hàng xem chỉ tiêu này như là một chỉ tiêu cơ bản trong việc đánh giá chất lượng cũng như khả năng quản trị rủi ro trong cho vay của ngân hàng đó. Chỉ tiêu này càng nhỏ càng tốt, chỉ tiêu này càng cao thì cho thấy khả năng quản trị rủi ro của ngân hàng càng kém, khả năng rủi ro không thu hồi được nợ càng lớn.

Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nợ quá hạn trên tổng dư nợ:

$$\frac{\text{Nợ quá hạn}}{\text{Tổng dư nợ}}$$

Nợ quá hạn bao gồm nợ quá hạn từ nhóm 2 đến nhóm 5, gia hạn nợ hoặc nợ quá hạn theo đánh giá của ngân hàng

Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ giữa các khoản nợ được xử lý bằng dự phòng rủi ro trên tổng dư nợ:

$$\frac{\text{Nợ được xóa}}{\text{Tổng dư nợ}}$$

Các khoản nợ được xóa là những khoản nợ ngân hàng quyết định xóa, loại khỏi sổ sách của ngân hàng và được hạch toán ngoại bảng. Những khoản nợ được xóa là khoản nợ quá hạn ngân hàng đánh giá khó có khả năng thu hồi hoặc khách hàng đã giải thể, phá sản và không còn nguồn nào để bù đắp. Ngân hàng thường dùng quỹ dự phòng rủi ro hàng năm để thực hiện việc xóa nợ.

Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ giữa tổng dự phòng rủi ro được trích lập so với tổng dư nợ hoặc với tổng vốn chủ sở hữu của ngân hàng:

Dự phòng được trích lập

Tổng vốn chủ sở hữu

Dự phòng rủi ro được trích lập là số tiền dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của ngân hàng thông qua việc trích lập dự phòng cho phần giá trị danh mục cho vay được đánh giá là có khả năng không thể thu hồi được. Trường hợp tỷ số này càng cao sẽ cho thấy danh mục đầu tư của ngân hàng càng không tốt, số nợ khó có khả năng thu hồi lớn. Việc đánh giá đúng khả năng thu hồi của danh mục đầu tư, nhằm trích lập dự phòng rủi ro một cách phù hợp, bù đắp được những biến cố có thể xảy ra là hết sức quan trọng trong công tác quản trị ngân hàng hiện đại, tránh cho ngân hàng bị đổ vỡ

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG CHO VAY TẠI NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM

2.1 Khái quát về ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, tên viết tắt là Ngân hàng Quốc Tế (VIB) được thành lập ngày 18/09/1996, trụ sở đặt tại 198B Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Đến ngày 20/10/2011, sau 15 năm hoạt động, VIB đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam với tổng tài sản đạt trên 100 nghìn tỷ đồng, vốn điều lệ 4.250 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu đạt trên 8.200 tỷ đồng. VIB hiện tại có 4.300 cán bộ nhân viên phục vụ khách hàng tại 160 chi nhánh và phòng giao dịch tại 27 tỉnh/ thành trọng điểm trong cả nước. Trong quá trình hoạt động, VIB đã được các tổ chức uy tín trong nước, nước ngoài và cộng đồng xã hội ghi nhận bằng nhiều danh hiệu và giải thưởng, như: danh hiệu Thương hiệu mạnh Việt Nam, danh hiệu Ngân hàng có dịch vụ bán lẻ được hài lòng nhất, Ngân hàng thanh toán quốc tế xuất sắc, ngân hàng có chất lượng dịch vụ khách hàng tốt nhất, đứng thứ 3 trong tổng số 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam về doanh thu do báo VietnamNet bình chọn.....

Năm 2010 là năm ghi dấu một sự kiện quan trọng của VIB với việc Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia (CBA)- Ngân hàng bán lẻ số 1 tại Úc và là Ngân hàng hàng đầu thế giới với trên 100 năm kinh nghiệm đã chính thức trở thành cổ đông chiến lược của VIB với tỉ lệ sở hữu cổ phần ban đầu là 15% lên 20% nhằm tăng cường cơ sở vốn, hệ số an toàn vốn, mở cơ hội kinh doanh và quy mô hoạt động cho VIB.

VIB là một trong những ngân hàng tiên phong trong việc cải tổ hoạt động kinh doanh, VIB luôn định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, lấy chất lượng

dịch vụ và giải pháp sáng tạo làm phương châm kinh doanh với quyết tâm “trở thành ngân hàng luôn sáng tạo và hướng đến khách hàng nhất tại Việt Nam”. Một trong những sứ mệnh được ban lãnh đạo VIB xác định ngay từ ngày đầu thành lập là “Vượt trội trong việc cung cấp các giải pháp sáng tạo nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng”

Mục tiêu của VIB: VIB trở thành một trong ba ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2013

Tầm nhìn: Trở thành ngân hàng sáng tạo và hướng tới khách hàng nhất tại Việt Nam

Sứ mệnh:

Đối với khách hàng: Vượt trội trong việc cung cấp các giải pháp sáng tạo nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng

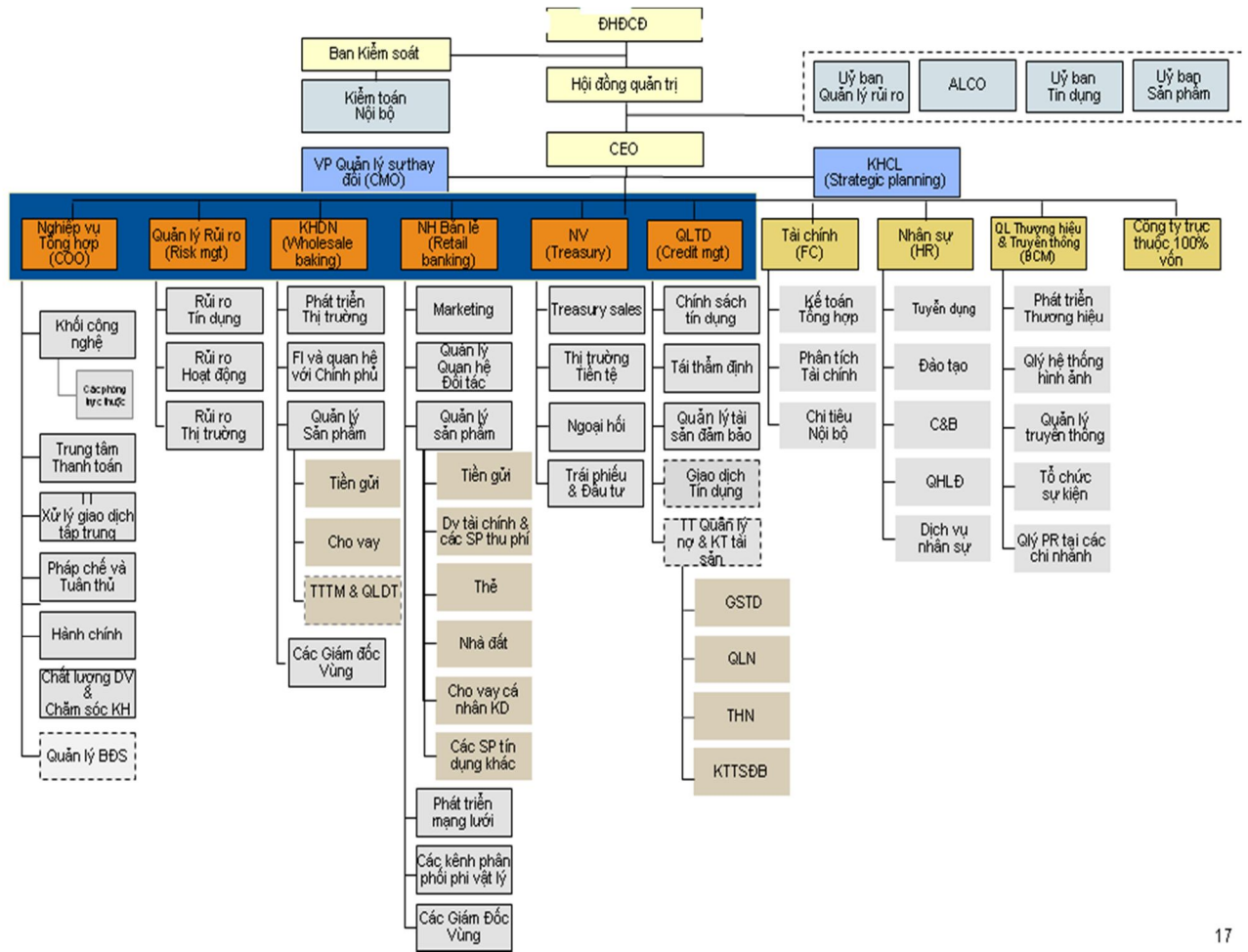
Đối với nhân viên: Xây dựng văn hóa hiệu quả, tinh thần doanh nhân và môi trường làm việc hiệu quả

Đối với cổ đông: Mang lại các giá trị hấp dẫn và bền vững cho cổ đông

Đối với cộng đồng: Tích cực đóng góp và sự phát triển cộng đồng.....

2.1.1 Mô hình tổ chức của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam

Đến nay cơ cấu tổ chức của VIB được phân bổ như sau:



Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức của NH TMCP Quốc Tế Việt Nam

Nguồn: Giới thiệu tổng quan về VIB năm 2011

2.1.2 Hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam trong những năm gần đây

VIB thành lập vào năm 1996, hiện nay VIB được đánh giá là một ngân hàng thương mại lớn tại Việt Nam. Năm 2005 VIB được vinh dự nhận giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam”, năm 2006 nhận giải thưởng “Nhãn hiệu cạnh tranh nổi tiếng”, năm 2007 đứng thứ 3 trong 500 doanh nghiệp tư nhân lớn

nhất Việt Nam; năm 2008 được bầu chọn là “Ngân hàng có dịch vụ hài lòng nhất trong năm 2008” do độc giả tạp chí Sài Gòn tiếp thị bình chọn. Năm 2009 bắt đầu chiến lược kinh doanh mới 2009-2013: tái định vị thương hiệu VIB.

Kết quả hoạt động kinh doanh của VIB trong ba năm gần đây:

Đơn vị tính: Triệu VND

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 |
|------------|---|-----------------|-----------------|-----------------|
| I | Các chỉ tiêu lợi nhuận | | | |
| 1 | Lợi nhuận trước thuế | 610.487 | 1.051.233 | 848.900 |
| 2 | Tổng thu nhập | 4.224.731 | 7.374.575 | 12.209.567 |
| 3 | Tổng chi phí (bao gồm cả chi phí rủi ro tín dụng) | 3.614.244 | 6.323.342 | 11.360.667 |
| II | Các chỉ tiêu hoạt động | | | |
| 1 | Tổng tài sản | 56.635.118 | 93.826.929 | 96.949.541 |
| 2 | Tổng vốn huy động | 34.210.128 | 59.563.703 | 57.488.658 |
| 3 | Tổng dư nợ | 27.352.682 | 41.730.941 | 43.497.212 |
| 4 | Vốn chủ sở hữu | 2.945.074 | 6.593.161 | 8.160.066 |

Bảng 2.2: Kết quả hoạt động kinh doanh của VIB trong 3 năm gần đây

Nguồn: Báo cáo thường niên hàng năm của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam

Năm 2011, kết quả kinh doanh của VIB ở một số chỉ tiêu còn khiêm tốn với: Tổng tài sản đạt 96.949.541 triệu đồng; huy động vốn đạt 57.488.658 triệu đồng; dư nợ đạt 43.497.212 tỷ đồng, tăng 4.2% so với năm 2010. Vốn chủ sở hữu đạt: 8.160.066 triệu đồng, tăng 23.8% so với năm 2010. Lợi nhuận trước dự phòng đạt 1.823.000 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 848.900 triệu đồng. Trích dự phòng rủi ro tín dụng là 974.000 tỷ đồng, tỷ lệ an toàn vốn đạt 14.48%. Kết quả kinh doanh chưa đạt so với kỳ vọng mà đại hội cổ đông năm 2011 và hội đồng quản trị, ban điều hành đặt ra xuất phát từ một số nguyên nhân khách quan và chủ quan như ảnh hưởng từ tình hình kinh tế vĩ mô và chính sách tiền tệ thắt chặt, cộng với việc các chỉ tiêu kinh doanh chưa được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

Về huy động vốn thị trường I bao gồm phát hành giấy tờ có giá, đến cuối năm 2011 đạt 57.488.658 triệu đồng, giảm nhẹ so với năm 2010. Trong đó, từ tháng 1 đến tháng 8/2011 huy động vốn từ dân cư và các tổ chức kinh tế của VIB tăng 17%. Kể từ đầu tháng 9/2011, khi ngân hàng nhà nước áp trần lãi suất huy động VIB đã tuân thủ các quy định của NHNN về trần lãi suất nên huy động vốn có giảm. Tuy nhiên tình hình huy động vốn của VIB những tháng cuối năm đã ổn định hơn, đảm bảo thanh khoản tốt hơn, không bị suy giảm

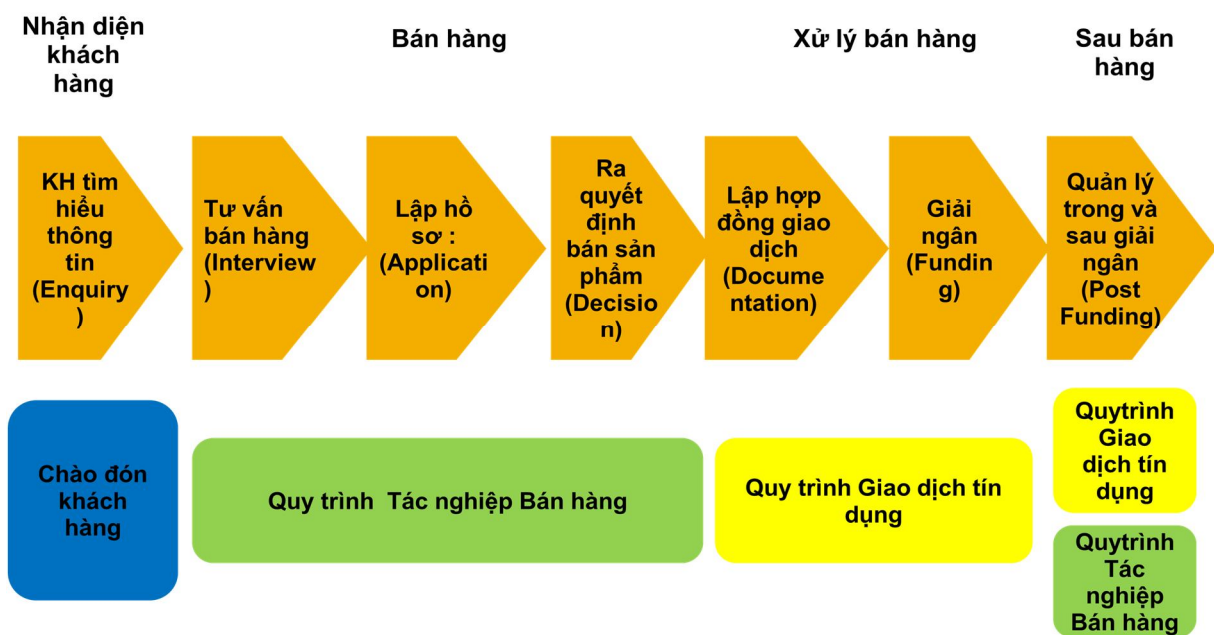
2.2 Thực trạng quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam

2.2.1 Hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi mô hình kinh doanh giai đoạn 2009-2013, mô hình kinh doanh của Ngân hàng được

chia ra là ba khối rõ ràng: Khối khách hàng doanh nghiệp, khối khách hàng cá nhân và khối nguồn vốn. Mọi chi phí hoạt động, thu nhập, phân bổ nguồn lực đều được bóc tách cho từng khối. Hoạt động cho vay của ngân hàng là một phần trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, là một sản phẩm của ngân hàng và nó được xem như một chu trình bán hàng.

Xét theo hành trình khách hàng kể từ khi khách hàng tiếp cận với ngân hàng cho đến khi VIB cung cấp cho khách hàng hoàn chỉnh sản phẩm tín dụng VIB mô tả hành trình đó qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.3 Quy trình bán hàng

Nguồn: Tài liệu bán hàng nội bộ của VIB năm 2010

Quy trình được chia ra làm 4 giai đoạn và qua 7 bước gọi là quy trình bán hàng 7 bước

- ***Giai đoạn 1: Nhận diện khách hàng***

+ Được xác định bắt đầu từ khi Quản lý khách hàng có thông tin về khách hàng, tiếp xúc khách hàng từ các nguồn khác nhau có thể do khách hàng tự tìm đến ngân hàng, khách hàng do quản lý khách hàng tự tìm kiếm, khách hàng được giới thiệu....

+ Sau khi quản lý khách hàng tiếp xúc với khách hàng, phân tích, tư vấn cho khách hàng, xác định rõ nhu cầu của khách hàng, nhận diện được khách hàng chuyển sang bước tiếp theo là bước bán hàng

- ***Giai đoạn 2: bán hàng***

+ Quản lý khách hàng tiếp xúc với khách hàng, tư vấn, hướng dẫn khách hàng cung cấp hồ sơ tín dụng theo quy định hiện hành của VIB. Sau khi thu thập đầy đủ hồ sơ, Quản lý khách hàng tiến hành thẩm định thực tế. Quản lý khách hàng cùng tổ định giá của đơn vị kinh doanh tiến hành định giá tài sản của khách hàng. Trong trường hợp tài sản định giá không thuộc thẩm quyền định giá của đơn vị kinh doanh thì đơn vị kinh doanh tiến hành lập đề nghị định giá gửi tổ định giá độc lập tiến hành định giá.

Trên cơ sở những thông tin quản lý khách hàng thu thập, thẩm định về tình hình tài chính, tư cách đạo đức, năng lực hành vi dân sự, khả năng trả nợ của khách hàng. Kiểm tra sự phù hợp giữa yêu cầu vay vốn của khách hàng và những quy định về chính sách cho vay của Ngân hàng TMCP Quốc Tế cũng như của NHNN và các cơ quan ban ngành có liên quan. Chấm điểm và xếp hạng tín dụng khách hàng như là một phần của quá trình thẩm định chi tiết các loại rủi ro

liên quan đến tình hình tài chính, tình hình phi tài chính và rủi ro ngành nghề/mặt hàng kinh doanh chính của doanh nghiệp, đồng thời là cơ sở quan trọng để tham khảo trước khi quyết định có thể cho vay hay không. Toàn bộ những thông tin được thu thập quản lý khách hàng sẽ tiến hành lập tờ trình tín dụng, báo cáo định giá tài sản, tập hợp hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thẩm quyền phê duyệt sẽ do chính sách từng thời kỳ của ngân hàng.

+ Sau khi có phê duyệt quản lý khách hàng tiến hành lập thông báo cho khách hàng về việc chấp nhận cho vay hay từ chối cho vay. Nếu khoản vay được chấp nhận cho vay quy trình chuyển sang giai đoạn 3

- ***Giai đoạn 3: Xử lý bán hàng***

Đây là giai đoạn quan trọng, giai đoạn này công việc được chuyển sang phòng Giao dịch tín dụng

Sau khi có phê duyệt tín dụng, hồ sơ của khách hàng được chuyển sang phòng giao dịch tín dụng. Tại đây hồ sơ của khách hàng được kiểm tra lại các điều kiện phê duyệt đồng thời bộ phận này có trách nhiệm soạn thảo hồ sơ bảo đảm tiền vay, hợp đồng tín dụng, bảo lãnh,... và chịu trách nhiệm hoàn thiện thủ tục bảo đảm tiền vay

Việc kiểm tra các điều kiện trong từng lần giải ngân của khách hàng sẽ do phòng giao dịch tín dụng kiểm tra và chốt sau cùng.

- ***Giai đoạn 4: Sau bán hàng***

Đây là giai đoạn quản lý, kiểm tra việc sử dụng vốn vay và thu hồi nợ vay

Giai đoạn này do phòng quản lý khách hàng phối hợp cùng phòng quản lý nợ thực hiện

+ Cán bộ Phòng QHKH cần chủ động nắm thông tin từ khách hàng và thực hiện Kế hoạch kiểm tra sử dụng vốn vay theo lịch đã định nêu tại Thông báo tác nghiệp. Việc kiểm tra sử dụng vốn vay phải được thể hiện bởi Báo cáo kiểm tra sử dụng vốn vay với đầy đủ chữ ký của những người cùng tham gia kiểm tra hoặc Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay với chữ ký của người đại diện bên vay và trình Trưởng/phó phòng QHKH xem xét cho ý kiến.

+ Trường hợp phát hiện có dấu hiệu rủi ro trong quá trình kiểm tra, CBKH cần chủ động đề xuất các biện pháp thực hiện và trình Trưởng/Phó phòng QHKH xem xét cho ý kiến, khi cần thiết, phải trình tiếp xin ý kiến chỉ đạo của Giám đốc/Phó giám đốc phụ trách QHKH.

+ Thực hiện kiểm tra Tài sản bảo đảm, ít nhất 06 tháng một lần, cán bộ Phòng QHKH phải thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm, thực hiện định giá lại tài sản và cập nhật trên hệ thống corebank. Báo cáo kiểm tra tài sản thế chấp, cầm cố có thể được lập cùng Biên bản/Báo cáo kiểm tra sử dụng vốn vay hoặc tách rời độc lập, đảm bảo các nội dung tối thiểu: (i) Tình trạng TSBĐ so với thời điểm thẩm định/kiểm tra trước?; (ii) dự báo tăng/giảm giá trị TSBĐ?; (iii) đề xuất thay đổi biện pháp quản lý TSBĐ (nếu có); (iv) đề xuất bổ sung/thay thế TSBĐ (nếu có).

2.2.2 Thực trạng quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam

Năm 2011, một loạt ngân hàng rơi vào tình trạng mất thanh khoản, không thanh toán được các hợp đồng tiền gửi đến hạn. Quan hệ vay- gửi trên thị trường tiền tệ chuyển từ quan hệ tín chấp sang quan hệ vay- gửi có tài sản đảm bảo

Với hệ thống quản trị rủi ro chặt chẽ, cảnh báo sớm rủi ro thanh khoản, rủi ro đối tác cộng thêm kinh nghiệm vượt qua khủng hoảng trong lịch sử kinh tế thế giới của đối tác chiến lược CBA, VIB sớm nhận diện rủi ro đối tác từ đó có phản ứng kịp thời bao gồm: Thu hẹp các khoản tiền gửi tại công ty tài chính, giảm bớt khối lượng vốn gửi tại các ngân hàng nhỏ, những ngân hàng có tình hình tài chính kém lành mạnh, có sự mất cân đối trong huy động thị trường 1 và giải ngân, đặc biệt là các ngân hàng có danh mục giải ngân tập trung vào các ngành có hệ số quay vòng vốn thấp như bất động sản,... Để hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra.

Đối với rủi ro tín dụng VIB đã triển khai nhiều hoạt động tăng cường quản trị rủi ro tín dụng như: Tiến hành xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng phù hợp, rà soát hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, quy trình thẩm định và phê duyệt, quy trình thẩm định và quản lý tài sản đảm bảo để tăng cường kiểm soát tín dụng đầu nguồn; song song với việc rà soát và cải tiến quy trình giám sát tín dụng, kiểm toán nội bộ, xây dựng quy chế tuân thủ, quy trình quản lý nợ và thu hồi nợ nhằm cải thiện chất lượng quản trị chất lượng tín dụng cuối nguồn.

➤ ***Xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng:*** Về khẩu vị rủi ro tín dụng hiện nay của Ngân hàng TMCP Quốc tế được xác định phần lớn dựa trên yếu tố tài sản đảm bảo khi vay vốn. Trong tình hình như hiện nay tiêu chí về tài sản đảm bảo được xếp vào tiêu chí xét duyệt đầu tiên khi khách hàng có nhu cầu vay vốn.

➤ ***Rà soát hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ***

Hiện tại VIB đang thực hiện chương trình chấm điểm khách hàng nội bộ, quy chế này được ban hành vào năm 2009. Mục đích để xây dựng hệ thống thông tin khách hàng cập nhật thường xuyên và đa dạng giúp đánh giá toàn diện các khách hàng của ngân hàng theo danh mục tín dụng; Xây dựng công cụ quản lý rủi ro,

trong đó các khách hàng được xếp hạng theo các mức độ tín nhiệm khác nhau, nhằm đánh giá mức độ rủi ro hiện tại, dự đoán rủi ro tiềm tàng để đưa ra các biện pháp phòng ngừa, đảm bảo tín dụng và chất lượng tín dụng tại từng đơn vị kinh doanh.

Nguyên tắc xếp hạng tín dụng nội bộ dựa trên nguyên tắc định tính và định lượng. Trên cơ sở kết hợp các tiêu chí định tính và định lượng để phân tích, đánh giá và cho điểm đối với từng tiêu chí. Việc phân tích định tính dựa trên đánh giá chủ quan của cán bộ xếp hạng tín nhiệm đối với các yếu tố rủi ro của khách hàng không lượng hóa được

Điểm xếp hạng được chia thành 4 cấp AAA: rất tốt, BBB: tương đối tốt, CCC: Trung bình, D: Kém. Trong mỗi cấp từ xếp hạng A đến C sẽ chia nhỏ thành AA, A; BB, B và CC, C

➤ ***Quy trình thẩm định và phê duyệt***

Phê duyệt tín dụng cũng được hội đồng quản trị và ban lãnh đạo ngân hàng đưa ra định hướng ngày càng thắt chặt hơn. Trong đó hệ thống phê duyệt sẽ được phân ra thành các cấp bậc căn cứ vào chấm điểm tín nhiệm của trưởng các đơn vị. Điểm tín nhiệm căn cứ trên rất nhiều chỉ tiêu như: kết quả kinh doanh, NPL số lượng khách hàng phát triển mới, kinh nhiệm làm việc, dư nợ,.... Việc chấm điểm của trưởng đơn vị kinh doanh sẽ được thực hiện hàng tháng và được tổng hợp theo quý. Sau mỗi quý điểm của trưởng các đơn vị kinh doanh phải đạt từ 100 điểm đến 120 điểm thì trưởng đơn vị kinh doanh đó giữ nguyên cấp phê duyệt ban đầu, số điểm trên 120 điểm thì trưởng đơn vị đó được nâng hạn mức phê duyệt tín dụng lên thêm 1 bậc; nếu điểm số dưới 100 điểm thì trưởng đơn vị kinh doanh đó sẽ bị hạ 1 bậc hạn mức phê duyệt.

Như vậy với cách thức này phần nào cũng hạn chế được mức độ rủi ro tín dụng

➤ ***Quy trình thẩm định và quản lý tài sản đảm bảo:***

- ***Quy trình thẩm định:***

Quy trình thẩm định cũng được khôi quản lý rủi ro quy định rõ ràng theo đó: Đối với những khoản vay từ 1 tỷ đồng trở lên, những tài sản là hàng hóa và những khoản vay ngoài địa bàn thì toàn bộ tài sản sẽ do một bộ phận độc lập là công ty quản lý tài sản AMC định giá.

Như vậy, VIB đã phân khúc để giảm thiểu rủi ro đầu nguồn, ngăn chặn những rủi ro cho những khoản tín dụng lớn

- ***Quy trình quản lý tài sản đảm bảo***

Tài sản đảm bảo tại VIB hiện tại được phân ra làm 2 loại: 1 là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; 2 là động sản, giấy tờ có giá, hàng hóa luân chuyển và các tài sản khác. Loại tài sản 1 toàn bộ thủ tục bảo đảm tiền vay sẽ phân cấp cho bộ phận riêng biệt là phòng Giao dịch tín dụng vùng thực hiện và quản lý tài sản

Loại tài sản 2 sẽ do đơn vị kinh doanh thực hiện thủ tục bảo đảm tiền vay và quản lý tài sản

Như vậy, phần nào VIB đã thực hiện được việc tách bộ phận quản lý tài sản đảm bảo riêng biệt với bộ phận cho vay. Tuy nhiên việc tách quản lý tài sản này chưa được đồng bộ, chưa thực hiện được hết đối với các loại tài sản mà VIB nhận thế chấp.

➤ ***Công tác giám sát tín dụng và kiểm toán nội bộ***

Cả hai phòng giám sát tín dụng và kiểm toán nội bộ đều có chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng của đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống VIB.

Phòng kiểm toán nội bộ thuộc sự quản lý của ban kiểm soát thuộc hội đồng quản trị. Phòng có chức năng nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tất cả các hoạt động kinh doanh của ngân hàng

Phòng giám sát tín dụng thuộc sự quản lý của khối quản lý và rủi ro tín dụng. Phòng có chức năng giám sát, cảnh báo sớm, kiểm soát hoạt động tín dụng trên phạm vi toàn hệ thống.

Thông thường định kỳ một năm một lần phòng kiểm toán nội bộ kiểm tra trực tiếp hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động cho vay nói riêng của các đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống. Phòng giám sát tín dụng định kỳ kiểm tra là 3 tháng một lần hoạt động tín dụng của các đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống. Hoặc việc kiểm tra này có thể đột xuất hoặc theo sự vụ. Thời gian kiểm tra phụ thuộc vào tình hình thực tế của đơn vị kinh doanh được kiểm tra. Ngoài việc kiểm tra trực tiếp phòng giám sát tín dụng, kiểm toán nội bộ còn thực hiện việc kiểm tra theo phương thức gián tiếp thông qua các báo cáo định kỳ theo tháng, theo quý, báo cáo hoàn thiện biên bản kiểm toán kỳ trước.

Đối với công tác kiểm tra thực tế tại các chi nhánh, các phòng ban làm công tác kiểm tra kiểm soát toàn hệ thống tập trung kiểm tra những nội dung như: i) tính tuân thủ quy chế, chế độ do NHNN, Ngân hàng VIB và các bộ ban ngành liên quan ban hành; (ii) chất lượng thẩm định và phê duyệt trong quá trình cung cấp một khoản vay đến khách hàng; (iii) công tác kiểm tra sử dụng vốn vay và khả năng quản lý nợ vay để thu hồi nợ; (iv) chất lượng đội ngũ cán bộ tín dụng; (v) Kiểm tra tính tuân thủ phê duyệt tín dụng, (vi) kiểm tra việc quản lý và lưu trữ tài sản đảm bảo, (vii) đánh giá tổng thể danh mục đầu tư của Chi nhánh nhằm phát hiện những rủi ro tiềm ẩn.

➤ ***Xây dựng quy chế tuân thủ***

➤ ***Xây dựng quy trình quản lý nợ và thu hồi nợ***

VIB đã thành lập trung tâm quản lý và thu hồi nợ là một phòng nghiệp vụ của khối quản lý tín dụng, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc khối quản lý tín dụng trong việc nhắc nhở, đôn đốc, kiểm tra khách hàng và đề xuất các biện pháp xử lý thu hồi nợ đối với các khoản nợ nhóm 1 có độ rủi ro cao và các khoản nợ quá hạn nhóm 2 trong phạm vi toàn hệ thống; kiểm soát và điều phối hoạt động thu hồi các khoản nợ xấu (NPL), nợ rủi ro cao, nợ đã sử dụng dự phòng rủi ro hạch to án ngoại bảng trong phạm vi toàn hệ thống VIB.

Cách thức vận hành của trung tâm quản lý và thu hồi nợ: Trung tâm nhắc nợ thông qua các hình thức như SMS, điện thoại, Email, gửi thư hoặc gặp trực tiếp khách hàng; phối hợp với đơn vị kinh doanh trong quá trình nhắc nợ, đôn đốc xử lý thu hồi nợ quá hạn nhóm 2; kiểm soát và điều phối hoạt động xử lý thu hồi nợ xấu, nợ rủi ro cao và nợ đã được sử dụng dự phòng xử lý rủi ro hạch toán ngoại bảng

➤ ***Tăng cường đào tạo lực lượng cán bộ tín dụng (quản lý khách hàng)***

VIB luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng cán bộ tín dụng về mọi mặt kinh tế, pháp luật chính trị, xã hội theo hướng đa dạng, chuyên sâu về nghiệp vụ để thích nghi với sự biến động của thị trường. Thực hiện mục tiêu đó, VIB đã tiến hành: (i) Thành lập Trung tâm đào tạo có đủ điều kiện đáp ứng được nhu cầu đào tạo của hệ thống; (ii) Xây dựng kế hoạch đào tạo đa dạng, kết hợp hài hòa các hình thức đào tạo nhằm trang bị kiến thức quản lý mới cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ nghiệp vụ; (iii) Công tác đào tạo và tự đào tạo đã được chú trọng hơn. Nhiều lớp học về

ng nghiệp vụ do các giảng viên trong nước và ngoài nước giảng dạy đã được tổ chức thường xuyên hơn nhằm trang bị các kiến thức quản lí, kỹ năng làm việc tiên tiến của ngân hàng nước ngoài. Hình thức tự đào tạo như các lớp tập huấn chuyên đề, trao đổi kinh nghiệm nghiệp vụ trong nội bộ được triển khai rộng khắp. Nhờ vậy, ý thức tuân thủ các quy định cho vay đã được nâng cao hơn một bước.

2.2.3 Chất lượng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế chi nhánh Việt Nam

➤ *Chất lượng tín dụng của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam trong 3 năm gần đây*

Đơn vị: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 |
|---|-------------|-------------|-------------|
| Nợ xấu | 346.121 | 598.274 | 1.153.810 |
| Tổng dư nợ | 27.253.682 | 41.730.941 | 43.497.212 |
| Tỷ lệ $\frac{\text{Nợ xấu}}{\text{Tổng dư nợ}}$ | 1.27% | 1.43% | 2.65% |

Bảng 2.4: Chất lượng tín dụng của VIB trong 3 năm gần đây

Nguồn: Báo cáo tài chính các năm 2009, 2010, 2011

Nợ xấu ở đây được tiến hành phân loại theo quyết định 493/NHNN về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro này thì nợ xấu không chỉ là nợ quá hạn theo thời gian thông thường mà sẽ bao gồm cả những khoản nợ sẽ bị hạ bậc vào nhóm nợ xấu theo một khoản nợ quá hạn theo thời gian thông thường mà sẽ bao gồm cả những khoản nợ sẽ bị hạ bậc vào nhóm nợ xấu theo một khoản nợ nào đó nằm trong nhóm nợ xấu. Và trong Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định 493 gần đây nhất thì mỗi khách hàng sẽ chỉ nằm ở một nhóm nợ duy nhất, không có tình trạng một khách hàng có nhiều khoản nợ và mỗi khoản sẽ nằm ở một nhóm nợ khác nhau.

Nợ xấu của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam trong những năm gần đây đa phần rơi vào nhóm khách hàng ngành thép, vinashin, nông sản và nhóm khách hàng vay kinh doanh đầu tư bất động sản. Nợ xấu tăng cao trong những năm gần đây năm 2010 nợ xấu tăng 57.6% so với năm 2009; năm 2011 nợ xấu tăng 51.9% so với năm 2010.

➤ ***Tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam trong những năm gần đây***

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2009 | Năm 2010 | Năm 2011 |
|--------------------|-------------|-------------|-------------|
| Trích lập dự phòng | 262.933 | 476.007 | 687.566 |
| Tổng dư nợ | 27.253.682 | 41.730.941 | 43.497.212 |
| Vốn chủ sở hữu | 2.948.898 | 6.593.161 | 8.160.066 |

| | | | | |
|-------|------------------------|------|------|------|
| Tỷ lệ | Trích lập DPRR | 1% | 1.2% | 1.6% |
| | Tổng dư nợ | | | |
| Tỷ lệ | Trích lập DPRR | 8.9% | 7.2% | 8.4% |
| | Tổng vốn chủ sở hữu | | | |

Bảng: 2.5: Tỷ lệ trích dự phòng rủi ro tín dụng:

Nguồn: Báo cáo tài chính, báo cáo thường niên các năm 2009, 2010, 2011

Dự phòng rủi ro có 2 loại là dự phòng chung và dự phòng cụ thể. Dự phòng chung trích trên phần dư nợ tăng thêm từ nhóm 1 đến nhóm 4, tỷ lệ trích là 0.75% trên dư nợ tăng thêm. Dự phòng cụ thể trích trên cơ sở các nhóm nợ được phân loại cụ thể, tỷ lệ trích như sau: Nhóm 1: 0%, nhóm 2: 5%, nhóm 3: 20%, nhóm 4: 50%, nhóm 5: 100%

Số tiền dự phòng rủi ro phải trích tính theo công thức:

$$R: \max\{0, (A-C)\} \times r$$

Trong đó: R: số tiền dự phòng cụ thể phải trích

A: Giá trị các khoản nợ;

C: Giá trị của tài sản đảm bảo;

R: tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể.

Phần giá trị của tài sản đảm bảo được quy định cụ thể tại QĐ 493/2005/QĐ-NHNN. VD: đối với tài sản đảm bảo là số dư trên tài khoản tiền gửi, sổ tiết kiệm bằng đồng Việt Nam tại VIB thì giá trị tài sản là 100% số dư (giá trị) hay nếu tài sản là bất động sản (bao gồm: nhà ở của dân cư có giấy tờ hợp pháp và/ hoặc bất động sản gắn liền với quyền sử dụng đất hợp pháp) thì tỷ lệ tối đa của của giá trị tài sản đảm bảo đó được tính = 50% giá trị thị trường (hoặc giá trị định giá của VIB)

Như vậy nhìn vào kết quả trích lập dự phòng của ngân hàng trong những năm qua ta thấy tỷ lệ nợ xấu tăng cao dẫn đến số tiền trích lập dự phòng tăng. Đồng thời, việc trích lập dự phòng này căn cứ trên giá trị định giá tài sản đảm bảo của những khoản vay mà giá trị tài sản này chỉ trên sổ sách, chưa có sự định giá lại theo từng thời kỳ và sát với thực tế. Vấn đề này cũng gây nhiều rủi ro cho ngân hàng khi phát mại tài sản và cũng là vấn đề cần nêu trong quản trị rủi ro.

➤ ***Các khoản nợ được xử lý bằng dự phòng rủi ro***

Tính đến nay Ngân hàng TMCP Quốc Tế được thành lập được 16 năm, trong những năm qua hoạt động của ngân hàng tương đối ổn định, tỷ lệ nợ xấu mới phát sinh gia tăng trong những năm gần đây do nhiều nguyên nhân từ khách quan đến chủ quan. Vì vậy, bắt đầu từ năm 2011 ngân hàng mới bắt đầu tiến hành xử lý một số khoản nợ bằng dự phòng rủi ro.

Tính đến 31/12/2011, tổng số dư nợ được xử lý bằng dự phòng rủi ro khoảng 408.116 tỷ đồng chủ yếu tập chung vào nhóm khách hàng như khách

hàng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải, xuất nhập khẩu, kinh doanh thương mại và một số khách hàng cá nhân mua nhà đất đầu tư kinh doanh.

2.3 Đánh giá thực trạng quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam

Như đã phân tích thực trạng quản trị rủi ro của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam ở trên ta thấy mặc dù Ngân hàng đã xác định được khẩu vị rủi ro cho từng thời kỳ đồng thời tất cả các nghiệp vụ liên quan tới hoạt động cho vay đều đã có quy trình. Tuy nhiên, không thể tránh khỏi những hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới. Để đánh giá được thực trạng quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay tại ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam chúng ta nhìn nhận lại kết quả đạt được của ngân hàng trong công tác quản trị rủi ro, những hạn chế và nguyên nhân của công tác quản trị rủi ro của ngân hàng

2.3.1 Kết quả

VIB đã triển khai nhiều hoạt động tăng cường quản trị rủi ro và đã đạt được những kết quả nhất định trên các khía cạnh như sau:

- Xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng:

Khẩu vị rủi ro của Ngân hàng hiện tại căn cứ trên tiêu chí tài sản đảm bảo, Ví dụ với khách hàng vay thế chấp bằng giấy tờ có giá thì được ngân hàng đánh giá là rủi ro thấp, với tài sản thế chấp bằng bất động sản thì được ngân hàng đánh giá là rủi ro trung bình, còn với các khoản vay tín chấp được ngân hàng đánh giá là rủi ro rất cao,...

Như vậy, với việc xác định được khẩu vị rủi ro căn cứ trên tài sản đảm bảo đã phân nào phân loại được rủi ro của khách hàng ngay từ khi quyết định cấp tín dụng cho khách hàng. Từ đó giúp ngân hàng có cái nhìn toàn diện, theo dõi sát sao hơn đối với các nhóm khách hàng đó. Qua việc phân định nhóm khách hàng căn cứ trên mức độ rủi ro vào tài sản đảm bảo tại mỗi thời kỳ Ngân hàng có thể quyết định mở rộng hay thu hẹp nhóm khách hàng tương ứng với mức độ rủi ro thấp, trung bình, cao hay rất cao.

- ***Xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ (hệ thống chấm điểm khách hàng)***

Quy trình chấm điểm khách hàng đã được ngân hàng trú trọng và đưa vào sử dụng thực tế tại VIB từ năm 2009 nhằm mục đích phân loại khách hàng, đánh giá mức độ rủi ro hiện tại, dự đoán rủi ro tiềm tàng để đưa ra các biện pháp phòng ngừa. Đồng thời qua việc phân loại khách hàng cũng nhằm mục đích tính giá cho vay đối với khách hàng đó. Như vậy, về cơ bản ngân hàng đã áp dụng được tính năng xếp hạng tín dụng nội bộ để phân loại khách hàng, phân loại rủi ro với từng nhóm khách hàng căn cứ trên kết quả chấm điểm khách hàng.

- ***Thẩm định và phê duyệt***

VIB đã có phân cấp thẩm quyền tới từng trưởng đơn vị kinh doanh, tùy theo cấp bậc, trình độ, kinh nghiệm làm việc cũng như quá trình quản lý rủi ro tín dụng mà thẩm quyền phê duyệt của trưởng đơn vị có thể tăng hoặc giảm. Thẩm quyền phê duyệt được tính trên tổng hạn mức rủi ro của khách hàng. Như vậy, với việc phân cấp thẩm quyền phê duyệt tín dụng đã phân nào hạn chế và quản trị được rủi ro. Thẩm quyền phê duyệt của cá nhân được giao được đánh

giá và xếp hạng lại theo quý. Khoảng thời gian này là tương đối phù hợp đối với tình hình kinh doanh, thị trường cũng như môi trường hiện tại

- ***Thẩm định và quản lý tài sản đảm bảo***

➤ *Đối với thẩm định:*

Trong quy trình hiện tại của VIB có quy định đối với những khoản vay giá trị trên 1 tỷ đồng mà khách hàng vay tại Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh thì tài sản phải do AMC hoặc một bên định giá độc lập khác thực hiện. Các khoản vay từ 5 tỷ trở lên ở các địa bàn khác cũng được thực hiện bởi bên định giá độc lập. Đối với những khoản dưới 1 tỷ thì việc định giá do đơn vị kinh doanh thực hiện. Đây cũng là 1 bước mới tại VIB nhằm phân khúc mức độ rủi ro tín dụng, tránh được phần nào tình trạng định giá sai, định giá vượt tài sản đảm bảo. Với cách thức như vậy phần nào cũng giảm thiểu được rủi ro trong hoạt động tín dụng tiềm ẩn trong tương lai.

➤ *Đối với quản lý tài sản đảm bảo*

Hiện tại VIB đã phân chia các bộ phận quản lý tài sản riêng biệt, theo đó đối với tài sản đảm bảo là bất động sản được theo dõi và quản lý bởi bộ phận giao dịch tín dụng (*Bộ phận hoàn thiện hồ sơ bảo đảm tiền vay, hợp đồng thế chấp và kiểm tra hồ sơ đảm bảo đúng phê duyệt, đúng mục đích vay trước khi giải ngân cho khách hàng*). Đối với các tài sản còn lại như: động sản, hàng hóa luân chuyển, giấy tờ có giá... được theo dõi và quản lý tại đơn vị kinh doanh.

Với mô hình này cũng phần nào giảm thiểu được sự quản lý lỏng lẻo tài sản đảm bảo tại đơn vị kinh doanh, phần nào tránh được tình trạng 1 quyền sử

dụng đất được chính đơn vị kinh doanh giải chấp khi vẫn còn dư nợ và thế chấp vay lại tại ngân hàng khác.

- ***Công tác giám sát tín dụng và kiểm toán nội bộ***

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam đã có cả 2 bộ phận kiểm tra giám sát hoạt động tín dụng của Ngân hàng đó là bộ phận kiểm toán nội bộ thuộc ban kiểm soát của ngân hàng và bộ phận kiểm soát tuân thủ, nhận diện rủi ro và báo cáo rủi ro tín dụng thuộc khối quản trị rủi ro (Giám sát tín dụng). Cả hai phòng ban này trong những năm vừa qua đã có những hoạt động tích cực góp phần đáng kể trong việc rà soát, cảnh báo, phát hiện sớm rủi ro trong hoạt động tín dụng.

Với vai trò kiểm tra, giám sát hoạt động chung của ngân hàng và hoạt động cho vay nói riêng 2 bộ phận kiểm tra giám sát đã đóng góp rất nhiều vào công tác cảnh báo rủi ro sớm đối với hoạt động cho vay. Định kỳ bộ phận kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ thường tiến hành kiểm tra hoạt động ngân hàng của các chi nhánh nói chung và hoạt động tín dụng nói riêng, đánh giá mức độ vi phạm của chi nhánh thực hiện theo các cấp độ A, B, C, D, yêu cầu ĐVKD tiến hành giải trình, chỉnh sửa các lỗi vi phạm. Trong những năm gần đây, kiểm toán nội bộ đã phát hiện ra hàng rất nhiều ĐVKD đang thực hiện không đúng quy trình cho vay, phát hiện ra hàng loạt những lỗi vi phạm cơ bản của cán bộ tín dụng, ngăn chặn được rủi ro sớm cho VIB.

- ***Quản lý nợ và thu hồi nợ***

VIB đã thành lập trung tâm quản lý và thu hồi nợ là một phòng nghiệp vụ của khối quản lý tín dụng, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc khối

quản lý tín dụng trong việc nhắc nhở, đôn đốc, kiểm tra khách hàng và đề xuất các biện pháp xử lý thu hồi nợ đối với các khoản nợ nhóm 1 có độ rủi ro cao và các khoản nợ quá hạn nhóm 2 trong phạm vi toàn hệ thống; kiểm soát và điều phối hoạt động thu hồi các khoản nợ xấu (NPL), nợ rủi ro cao, nợ đã sử dụng dự phòng rủi ro hạch to án ngoại bảng trong phạm vi toàn hệ thống VIB.

Theo đó thì toàn bộ những khoản vay có vấn đề đều được trung tâm quản lý và nhắc nhở đôn đốc tới các khách hàng, giảm thiểu được đáng kể rủi ro tín dụng.

2.3.2 Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác quản trị rủi ro của VIB thì Ngân hàng cũng còn rất nhiều hạn chế. Như đã phân tích tình hình quản trị rủi ro cho vay của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam cho thấy công tác quản trị rủi ro cho vay của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam còn không ít những hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới

2.3.2.1 Hạn chế trong quản trị rủi ro cho vay của VIB

Quản trị rủi ro trong cho vay tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam trong những năm qua còn yếu kém thể hiện ở những khía cạnh như sau:

➤ Tỷ lệ nợ xấu gia tăng trong năm 2011, phản ánh chất lượng những khoản nợ của NHTMCP Quốc Tế VN hiện nay chưa cao, và đang thể hiện chiều hướng xấu đi hơn nữa trong năm 2011. Con số này đã cho ta thấy những yếu kém trong quản trị rủi ro trước trong cũng như sau khi cho vay của NHTMCP Quốc Tế VN, trước đây chưa được bộc lộ bằng con số cụ thể. Với việc phân loại nợ theo Quyết

định 493/2005/QĐ-NHNN của NHNN, đã phản ánh đúng chất lượng những khoản nợ thông qua cơ chế hạ bậc đối với những khoản nợ còn trong hạn theo những khoản nợ quá hạn của một khách hàng. Tuy nhiên, việc phân loại nợ cũng mới chỉ dừng lại ở việc phân loại theo tình trạng của khoản nợ chưa tiến hành phân loại trên cơ sở đánh giá rủi ro của khách hàng, đây sẽ vẫn là hạn chế chưa thể hiện được chất lượng dư nợ thực sự của NHTMCP Quốc Tế VN.

➤ Nợ quá hạn giảm xuống chủ yếu do xử lý dự phòng rủi ro, con số này đã phản ánh sự yếu kém trong khả năng thẩm định, đánh giá rủi ro của khách hàng cũng như ngành hàng của khách hàng, cùng những yếu kém trong các công cụ quản trị rủi ro trong cho vay của hệ thống và yếu kém trong năng lực của cán bộ cũng như lãnh đạo trực tiếp tham gia vào công tác cho vay.

Việc xác định hạn mức cho khách hàng chủ yếu mang tính chất kinh nghiệm hoặc dựa trên tài sản bảo đảm. các công cụ trong đo lường rủi ro của khách hàng đề ra quyết định chỉ mang tính chất định hướng chưa phải là yêu cầu bắt buộc áp dụng trong hệ thống. Dẫn đến việc áp dụng đối với mỗi Chi nhánh là khác nhau và mang tính tự phát.

2.3.2.2 Nguyên nhân

❖ Nguyên nhân chủ quan từ phía ngân hàng

- *Công tác quản trị điều hành thiếu sự bài bản và còn nhiều khiếm khuyết*
- *Xác định chiến lược hoạt động mang tính chung chung không cụ thể hoá trong các chương trình hành động*

Mặc dù trong những năm vừa qua, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam đã xác định đúng chiến lược hoạt động đối với công tác cho vay. Tuy nhiên, các chính sách cho vay của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam còn chưa đầy đủ,

chưa được đề ra một cách rõ ràng, cụ thể bởi các chỉ tiêu, cụ thể: (i) Hàng năm chưa xác định cụ thể tỷ lệ đầu tư vào từng danh mục cho vay, từng loại hình khách hàng và đi kèm là các công cụ hạn chế cũng như thúc đẩy; (ii) Thiếu hệ thống các chỉ tiêu yêu cầu về khả năng chuyên môn của cán bộ làm công tác cho vay tại từng bộ phận; (iii) Thiếu chính sách và quy trình thẩm định rủi ro và phê duyệt các sản phẩm cho vay mới; (iv) Thiếu chính sách lương thưởng, phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các cán bộ liên quan tới công tác cho vay.

Do vậy, nhiều khi các chi nhánh thực hiện, triển khai chưa thực sự đúng với những định hướng đã đề ra và tại Hội sở chính chưa đề ra các công cụ kịp thời để hạn chế.

• ***Hệ thống đo lường rủi ro yếu kém chưa đáp ứng được yêu cầu trong công tác quản trị rủi ro***

- Chưa xây dựng mô hình tính toán tỷ lệ mất khả năng trả nợ tiềm tàng và lợi nhuận trên vốn đã điều chỉnh rủi ro;
- Hệ thống phân hạng khách hàng trên cơ sở chấm điểm khách hàng còn đơn giản, mới có 9 nhóm khách hàng, trong khi tính đa dạng của các loại khách hàng rất cao. Hệ thống chấm điểm xếp hạng khách hàng cá nhân mặc dù đã được xây dựng nhưng các chỉ tiêu chưa phù hợp với thực tế nên chưa áp dụng trong hoạt động cho vay của ngân hàng.

Bên cạnh đó hệ thống chấm điểm khách hàng của VIB vẫn còn nhiều bất cập như: Chỉ mở chấm điểm cho khách hàng khi phát sinh khách hàng mới còn đối với khách hàng cũ phải chấm theo định kỳ. Thông thường đối với khách hàng cũ 1 năm chấm lại điểm khách hàng 1 lần và xếp hạng lại khách hàng. Đồng thời hệ thống chấm điểm khách hàng còn rất nhiều chỉ tiêu định tính, đôi

với khách hàng cá nhân đa phần là các chỉ tiêu định tính... Chính những bất cập này đã phản ánh không đúng thực trạng của khách hàng, không đánh giá chính xác được mức độ rủi ro và các tiềm ẩn có thể xảy ra trong tương lai

- Các quy định về việc trích lập và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN đã tạo ra một bước nhảy trong việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, hiện cũng mới dừng lại ở phân loại nợ theo tình trạng hiện tại của nhóm nợ (nợ trong hạn, hay nợ quá hạn, quá hạn dưới 90 ngày, từ 90-180 ngày, từ 180-360 ngày và từ 360 trở lên), chứ chưa có sự phân loại và trích lập dự phòng rủi ro trên cơ sở định tính xếp hạng khách hàng.

• ***Mô hình quản lý hoạt động cho vay phức tạp, đa cấp và khó khăn trong triển khai thực hiện, đôi khi còn chồng chéo***

Việc quản lý giám sát từ xa được thực hiện thông qua số liệu và thông tin chi nhánh báo cáo là chủ yếu, thiếu sự trợ giúp của công nghệ để kiểm chứng lại thông tin/số liệu. Theo yêu cầu của Quyết định 888/NHNN các Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam đã có sự sắp xếp chuyển đổi không còn Chi nhánh cấp 1 và cấp 2 mà phân thành Chi nhánh đủ thẩm quyền và Chi nhánh không đủ thẩm quyền. Trong khi đó, việc quản lý hoạt động cho vay giữa chi nhánh đủ thẩm quyền, làm chức năng thẩm định rủi ro cho các Chi nhánh không đủ thẩm quyền (không có bộ phận QLRR) chưa chặt chẽ. Nhìn chung, cơ chế điều hành việc phối hợp giữa Chi nhánh đầu mối đủ thẩm quyền thực hiện chức năng thẩm định cho các Chi nhánh không đủ thẩm quyền còn thể hiện sự thiếu tinh thần trách nhiệm và thái độ hợp tác trong công việc không cao.

Cơ chế phân cấp, phân quyền khá phức tạp và đan xen giữa Chi nhánh đầu mối đủ thẩm quyền và Chi nhánh cơ sở không có đủ thẩm quyền trong việc phê duyệt một khoản vay đến khách hàng. Các Chi nhánh cơ sở mới chuyển đổi từ Chi nhánh cấp II bắt đầu phát sinh lúng túng trong việc khai thác số liệu, thực hiện các báo cáo thống kê và quản lý rủi ro.

- ***Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ chưa hiệu quả***

Trong thời gian vừa qua VIB đã tăng cường các đoàn công tác định kỳ tại các Chi nhánh, đặc biệt ưu tiên các Chi nhánh có nợ quá hạn tăng cao. Tuy nhiên, kết quả kiểm tra chưa đạt được yêu cầu đặt ra: (i) Chưa phát hiện được kịp thời và dự báo trước những rủi ro sẽ xảy ra; (ii) Dựa vào những thông tin Chi nhánh báo cáo là chủ yếu. Đồng thời hệ thống kiểm tra, giám sát vẫn còn một số bất cập như:

- Chỉ tham gia kiểm tra, giám sát theo định kỳ hoặc khi có bất thường đối với đơn vị kinh doanh, thông thường là 1 năm / 1 lần. Thời gian định kỳ 1 năm/1 lần theo như thời điểm hiện nay là khá dài, thiếu sự sát sao với thực tế

- Thời gian kiểm tra, kiểm toán ĐVKD quá ngắn, thông thường từ 5 đến 10 ngày cho 1 kỳ kiểm tra, kiểm toán. Thời gian quá ngắn như vậy nên bộ phận kiểm toán nội bộ hoặc giám sát tín dụng chỉ có thể kiểm tra theo xác suất, chọn mẫu. Việc này cũng hạn chế về số lượng và chất lượng kiểm tra, giám sát hồ sơ khách hàng.

- Đa phần việc kiểm tra, giám sát của bộ phận kiểm tra là kiểm tra trên bề mặt hồ sơ, không kiểm tra tình hình thực tế của khách hàng. Việc làm này chỉ mang tính chất lý thuyết, thiếu thực tế và không cảnh báo được sớm rủi ro tín dụng

Trình độ của cán bộ kiểm toán nội bộ cũng như giám sát tín dụng còn non yếu, thiếu kinh nghiệm thực tế. Đa phần chưa được đào tạo chuyên sâu, hầu hết đào tạo qua hình thức tự đào tạo, tự học hỏi

➤ ***Lực lượng cán bộ làm công tác cho vay thiếu về số lượng và yếu kém về chất lượng***

Mặc dù VIB rất chú trọng tới công tác tuyển dụng, công tác đào tạo cán bộ nhân viên, việc làm này đã được thể hiện qua việc toàn bộ cán bộ nhân viên VIB khi được tuyển dụng vào VIB đều phải thi tuyển đầu vào rất khắt khe bên cạnh đó VIB đã thành lập được trung tâm đào tạo. Tuy nhiên, trung tâm đào tạo hiện tại của VIB mới chỉ dừng lại ở việc đào tạo những kỹ năng mềm mà không thực hiện đào tạo chuyên sâu cho cán bộ nhân viên VIB về nghiệp vụ, công việc của từng bộ phận, phòng ban khi mới gia nhập VIB. Đa phần nhân viên mới của VIB được đào tạo qua hình thức cầm tay chỉ việc điều đó dẫn tới hệ quả các vùng miền, khu vực khác nhau sẽ có những công việc được xử lý theo thói quen, phong tục khác nhau, thiếu sự đồng nhất.

Bên cạnh đó ý thức, tư cách đạo đức của cán bộ nhân viên trong VIB nhất là các cán bộ làm công tác thẩm định và cho vay có những nhân viên có những biểu hiện thiếu trung thực, một số có hành vi lợi dụng chức quyền gây áp lực đối với nhân viên yêu cầu họ làm sai lệch hoặc làm tắt quy trình, quy định.

Bên cạnh trình độ nghiệp vụ còn non yếu phải kể đến số lượng cán bộ còn mỏng chưa theo kịp với tốc độ tăng trưởng dư nợ hàng năm của ngân hàng. Toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam hiện có khoảng 1078 cán bộ tham gia làm công tác cho vay. Trong đó cán bộ phụ trách phòng khoảng 125 cán bộ. Như vậy, trừ cán bộ lãnh đạo phòng, bình quân mỗi cán bộ hiện đang

quản lý theo dõi 46 tỷ VND nợ vay. Tình hình thực tế cho thấy mức độ làm việc của cán bộ hiện khá căng thẳng. Tình trạng phải làm việc thêm giờ, làm việc cả ngày nghỉ rất phổ biến và thường xuyên kéo dài. Cán bộ làm công tác cho vay dành được ít thời gian để chủ động nắm bắt thêm thông tin, thẩm định khoản vay kỹ càng hơn, tăng tần suất kiểm tra vốn sau khi cho vay...

Thực tế công tác cho vay đang đòi hỏi Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam phải có một lực lượng cán bộ vừa được trang bị tốt các kiến thức về kinh tế thị trường vừa phải nâng cao về kỹ năng quản lý, năng động sáng tạo trong xử lý công việc hàng ngày và nhất là có đạo đức và yêu nghề. Tuy nhiên, trình độ cán bộ nhìn chung chưa đồng đều, chưa bắt kịp được với nhu cầu của thực tế, đặc biệt là quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Số cán bộ có trình độ chuyên môn cao, chịu khó nghiên cứu, nắm bắt ngay với những tiến bộ mới trong lĩnh vực ngân hàng chưa nhiều. Hiện vẫn còn hiện tượng cán bộ làm việc chưa thật sự chuyên tâm. Chất lượng các Báo cáo thẩm định, Báo cáo kiểm tra vốn vay còn chưa cao khá phổ biến. Tính chủ động sáng tạo trong công việc còn hạn chế. Thậm chí, vẫn còn các trường hợp vi phạm Quy trình cho vay, che dấu không báo cáo Lãnh đạo kịp thời các diễn biến rủi ro của khoản vay ...

Công tác bố trí, sử dụng cán bộ phù hợp năng lực chưa thật sự được quán triệt và làm tốt tại hầu hết các Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam. Vẫn còn hiện tượng cán bộ không có đủ năng lực nhưng do các mối quan hệ nên vẫn đảm trách công tác cho vay.

Văn hóa doanh nghiệp, tác phong bán hàng, phục vụ khách hàng của cán bộ chưa thực sự mang tính chuyên nghiệp cao, làm hài lòng khách hàng. Đây

thực sự là vấn đề cần quan tâm vì đó là một trong những yếu tố cạnh tranh hết sức quan trọng đối với một ngành dịch vụ như ngân hàng.

➤ ***Thiếu sự tuân thủ quy trình cho vay tại các Chi nhánh***

Có tình trạng một số các chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam đã chưa thật chú ý tới thủ tục hồ sơ vay, nhiều trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ; trừ một số chi nhánh có chất lượng thẩm định tốt còn nhìn chung chất lượng báo cáo thẩm định cho vay và báo cáo thẩm định gia hạn nợ chưa đạt yêu cầu.

Việc kiểm tra, kiểm soát sử dụng vốn vay chưa được các chi nhánh coi trọng đúng mức, cụ thể: chất lượng kiểm tra còn sơ sài, tần suất kiểm tra không nhiều do đó nhiều trường hợp không phát hiện kịp thời việc các đơn vị sử dụng vốn vay sai mục đích dẫn đến không trả nợ đúng hạn hoặc mất vốn.

Theo quy trình cho vay mới hiện nay, lịch kiểm tra sử dụng vốn vay phải được nêu rõ ngay trong báo cáo thẩm định rủi ro và Phòng QLN có trách nhiệm đôn đốc Phòng QHKH trong thực hiện. Tuy nhiên, về bản chất các báo cáo kiểm tra sử dụng vốn vẫn mang tính hình thức và đối phó.

Còn phát sinh một số khoản vay được gia hạn nợ khá dễ dãi. Tờ trình gia hạn nợ vay thường sơ sài và không đủ căn cứ thuyết phục. Các khoản gia hạn nợ này đều dựa trên thông tin do khách hàng cung cấp mà thiếu sự kiểm tra thực tế.

➤ ***Hệ thống thông tin nội bộ hạn chế cả về lượng và về chất***

Hệ thống công nghệ tin học chưa hỗ trợ các thông tin quản lý. Hiện Ngân hàng TMCP Quốc Tế đang áp dụng phần mềm ứng dụng corebank là Symbol. Mặc dù trong thời gian qua đã được nâng cấp, thực hiện hiện đại hóa so với công nghệ của các ngân hàng tiên tiến khác thì công nghệ vẫn còn lạc hậu, chưa đáp

ứng được công tác quản trị nội bộ hệ thống, cụ thể: (i) Các thông tin cung cấp hiện mới chỉ dừng ở tổng dư nợ cho vay, tổng dư nợ bảo lãnh theo khách hàng, loại tiền, thời hạn ở từng chi nhánh; (ii) thông tin khoản vay theo ngành hàng đã có tuy nhiên chưa phân biệt được dành rớt giữa các ngành hàng, nhiều ngành hàng chưa được cập nhật trên hệ thống; (iii) Chưa quản lý được cây hạn mức của khách hàng một cách chính xác bao gồm như: L/C, bảo lãnh, vay hạn mức, vay món; (iiii) chưa linh được hệ thống chấm điểm khách hàng sang phần mềm quản lý corebank,...

➤ **Những bất cập trong các quy trình cho vay của VIB**

- ***Quy trình chấm điểm khách hàng***

Hệ thống chấm điểm khách hàng của VIB vẫn còn nhiều bất cập như: Chỉ mở chấm điểm cho khách hàng khi phát sinh khách hàng mới còn đối với khách hàng cũ phải chấm theo định kỳ. Thông thường đối với khách hàng cũ 1 năm chấm lại điểm khách hàng 1 lần và xếp hạng lại khách hàng. Đồng thời hệ thống chấm điểm khách hàng còn rất nhiều chỉ tiêu định tính, đối với khách hàng cá nhân đa phần là các chỉ tiêu định tính... Chính những bất cập này đã phản ánh không đúng thực trạng của khách hàng, không đánh giá chính xác được mức độ rủi ro và các tiềm ẩn có thể xảy ra trong tương lai

- ***Quy trình thẩm định và phê duyệt tín dụng***

VIB đã có phân cấp thẩm quyền tới từng trưởng đơn vị kinh doanh, tùy theo cấp bậc, trình độ, kinh nghiệm làm việc cũng như quá trình quản lý rủi ro tín dụng mà thẩm quyền phê duyệt của trưởng đơn vị có thể tăng hoặc giảm. Thẩm quyền phê duyệt được tính trên tổng hạn mức rủi ro của khách hàng.

Việc phân cấp thẩm quyền như vậy nhưng vẫn không tránh khỏi việc người có thẩm quyền phê duyệt cho 1 khách hàng vay với số tiền lớn thông qua việc đứng tên nhiều khách hàng khác nhau. Hiện tại VIB chưa có biện pháp ngăn chặn việc cho vay trên 1 nhóm khách hàng như trên.

- ***Quy trình thẩm định và quản lý tài sản đảm bảo***

+ *Đối với quy trình thẩm định:*

Trong quy trình hiện tại của VIB có quy định đối với những khoản vay giá trị trên 1 tỷ đồng mà khách hàng vay tại Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh thì tài sản phải do AMC hoặc một bên định giá độc lập khác thực hiện. Tuy nhiên mới chỉ thực hiện được tại 2 khu vực trung tâm lớn là Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh nên khả năng quản trị định giá đối với các khoản vay từ 1 tỷ đến 5 tỷ vẫn còn hồng, vẫn xảy ra trường hợp tài sản được định giá vượt so với giá thực tế để đảm bảo cho mục đích vay vốn.

+ *Đối với quy trình quản lý tài sản đảm bảo:*

VIB đã phân chia 2 bộ phận quản lý tài sản riêng biệt, theo đó đối với tài sản đảm bảo là bất động sản được theo dõi và quản lý bởi bộ phận giao dịch tín dụng. Đối với các tài sản còn lại như: động sản, hàng hóa luân chuyển, giấy tờ có giá... được theo dõi và quản lý tại đơn vị kinh doanh.

Mô hình quản lý này còn nhiều bất cập như: Bộ phận giao dịch tín dụng đặt tại những vị trí đôi khi cách đơn vị kinh doanh khoảng cách là 20 đến 25km, khó khăn trong việc giải chấp hoặc thế chấp với khách hàng, tiếp nữa là hệ thống kho lưu trữ tại các bộ phận giao dịch tín dụng không thực sự được an toàn như tại đơn vị kinh doanh. Hồ sơ tài sản đảm bảo dễ giải rác, khó quản lý, Ví dụ 1

khách hàng vay thế chấp bằng 2 loại tài sản là bất động sản và động sản thì được quản lý tại 2 nơi: tại đơn vị kinh doanh phát sinh khoản vay và tại bộ phận giao dịch tín dụng.

- ***Quy trình quản lý nợ và thu hồi nợ***

VIB đã thành lập trung tâm quản lý và thu hồi nợ theo đó thì toàn bộ những khoản vay có vấn đề đều được trung tâm quản lý và nhắc nhở đôn đốc tới các khách hàng. Tuy nhiên, hình thức nhắc nhở thông thường như qua điện thoại, email, thông báo bằng văn bản. Các trường hợp nhắc nhở sát với thực tế như gặp gỡ với khách hàng có được thực hiện nhưng tần suất còn ít. Đồng thời các cán bộ tại trung tâm quản lý và thu hồi nợ thì đa phần đều là các cán bộ được luân chuyển từ các bộ phận khác, thiếu kinh nghiệm về thu hồi nợ

❖ **Nguyên nhân khách quan**

➤ ***Từ phía khách hàng, sự yếu kém về năng lực cạnh tranh, khả năng thâm nhập thị trường cũng như năng lực tài chính***

• ***Thứ nhất: năng lực kinh doanh yếu kém.*** Khách hàng kinh doanh thua lỗ dẫn đến không trả nợ đúng hạn hoặc không có khả năng trả nợ cho ngân hàng. Nguyên nhân là do một số doanh nghiệp sản xuất kinh doanh không nhanh nhạy, quản lý yếu kém, không lường trước được những thay đổi về chính sách của Nhà nước như VAT, chính sách tỷ giá ... Chẳng hạn việc cấm xuất khẩu gỗ, chính sách thuế và tỷ lệ nội địa hóa đối với các doanh nghiệp sản xuất xe máy, tình trạng nợ ngân sách đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản.

- ***Thứ hai, tình hình tài chính kém minh bạch và năng lực tài chính thấp.***

Một số doanh nghiệp khác do vốn tự có thấp, chủ yếu dựa vào vốn vay ngân hàng (chiếm 90% tổng tài sản) nên chỉ một biến động nhỏ của thị trường chẳng hạn thị trường phân bón, gạo, cà phê... như trong thời gian qua đã làm doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính, chậm trả nợ ngân hàng. Sử dụng vốn vay sai mục đích, cố ý lừa đảo chủ yếu xảy ra ở một số khách hàng cá nhân.

- ***Thứ ba, khách hàng quản lý công nợ lỏng lẻo, dẫn đến bị chiếm dụng vốn.***

Đây là một hiện tượng phổ biến trong nền kinh tế nước ta, công nợ dây dưa, không quyết toán dứt điểm. Nguyên nhân này làm cho nhiều khách hàng vốn làm ăn tốt, có uy tín với ngân hàng mà vẫn không thu hồi được nợ từ đối tác, dẫn đến tình trạng chậm trả nợ cho ngân hàng, hạn chế khả năng thực thi biện pháp quản trị rủi ro cho vay của ngân hàng.

➤ ***Môi trường kinh tế cạnh tranh ngày càng khốc liệt nhiều biến động chính sách và cơ chế quản lý vĩ mô của Nhà nước chưa phù hợp***

Nền kinh tế của nước ta hiện nay đang ở trong giai đoạn đầu của quá trình hội nhập nền kinh tế thế giới và khu vực, các chính sách và cơ chế quản lý vĩ mô của nhà nước đang trong quá trình điều chỉnh do đó nhiều vấn đề còn dang dở, chưa hoàn thiện. Sản xuất kinh doanh trong nước chịu áp lực phải cạnh tranh gay gắt với bên ngoài do quá trình hội nhập nền kinh tế, giảm bớt hàng rào thuế quan, cắt giảm thuế, giảm dần các trợ cấp của Chính phủ đối với doanh nghiệp nhà nước. Do đó, một số doanh nghiệp không kịp thời đổi mới, chi phí sản xuất cao đã bị thị trường đào thải, gặp phải khó khăn như tồn kho, ứ đọng vật tư hàng hoá, thua lỗ, mất khả năng thanh toán làm phát sinh nợ quá hạn, nợ khó đòi. Hiện nay số lượng doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh có hiệu quả chiếm tỷ trọng nhỏ, trong khi tài sản thì manh mún, không đủ hồ sơ giấy tờ hợp

lệ, hơn nữa DNNN có tư tưởng không phải thế chấp tài sản khi vay vốn TCTD mặc dù hiện pháp luật đã quy định bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Do đó, việc cho vay của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam gặp không ít khó khăn.

Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, Việt nam vẫn chưa tạo được một môi trường thực sự minh bạch và ổn định cho các doanh nghiệp. Một doanh nhân Nhật Bản đã nhận xét về môi trường kinh doanh ở Việt Nam; “ở Việt Nam, cái gì cũng có thể làm được nhưng cái gì cũng có thể xảy ra”. Gần đây doanh nghiệp phàn nàn rất nhiều về việc các Bộ, ngành tùy hứng ban hành văn bản pháp luật mà không bàn thảo trước với doanh nghiệp, dẫn đến trình trạng luật không thể đi vào cuộc sống. Đó chưa kể nhiều địa phương đang có xu hướng đưa ra những chính sách “ưu đãi hóa” thay vì chính sách “tự do hóa”, dần dần đối tượng nào cũng được hưởng ưu đãi, làm méo mó cả thị trường.

Môi trường kinh doanh của các tổ chức tín dụng trong đó các NHTM còn thiếu nhiều yếu tố như: hệ thống văn bản pháp luật nhà nước đang được hình thành nhưng chưa đồng bộ, thậm chí có khi chồng chéo. Hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng chưa thực sự độc lập, đôi khi còn chịu những tác động của phương pháp quản lý bằng mệnh lệnh hành chính làm cho hoạt động cho vay kém hiệu quả, đặc biệt tại các địa phương.

➤ ***Môi trường pháp lý cho hoạt động cho vay chưa đầy đủ đồng bộ***

• ***Thiếu quy định tổng thể và đồng bộ về bảo đảm tiền vay***

- Việc đăng ký giao dịch bảo đảm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất còn nhiều vướng mắc. Chẳng hạn, do quy định của Luật đất đai và các văn bản dưới Luật chưa rõ ràng vì vậy một số cơ quan nhà nước không xác nhận về quyền sở

hữu tài sản trên đất và đăng ký giao dịch bảo đảm tài sản trên đất khi thế chấp quyền sử dụng đất.

- Đối với DNNN, hầu hết không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hay quyền sử dụng tài sản khi Nhà nước giao vốn mà chỉ có bản xác nhận tổng số vốn giao của cơ quan thẩm quyền. Do đó, theo quy định của Pháp luật, nhiều DNNN mặc dù có tài sản nhưng không thể đem thế chấp, cầm cố cho ngân hàng.

- Vấn đề phát mại tài sản thế chấp: Bản thân các tài sản thế chấp do giá cả thay đổi thường xuyên theo biến động của thị trường, phát mại tài sản thế chấp gặp nhiều khó khăn. Có những tài sản thế chấp có giá trị lớn, thời gian khởi kiện kéo dài trong nhiều năm, phải qua nhiều cấp xét xử, gây không ít khó khăn cho các ngân hàng trong việc bán tài sản để thu hồi nợ. Hơn nữa, tình trạng thủ tục hành chính của các Cơ quan nhà nước còn khá nặng nề, gây khó khăn cho ngân hàng trong việc bảo vệ quyền lợi của mình. Chẳng hạn, có những vụ án đã có phán quyết của tòa án nhưng các đối tượng phải thi hành án vẫn cố tình lẩn tránh trách nhiệm thi hành án mặc dù đã có sự can thiệp của các cơ quan thi hành án. Mặt khác, còn xảy ra trường hợp cơ quan thi hành án thực hiện chưa nghiêm túc, đúng quy định về cưỡng chế, buộc người vi phạm phải thi hành án.

• *Quy định về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro thiếu những quy định rõ ràng về phương pháp phân loại theo định tính và cách thức hạ bậc trong phân loại nợ*

Mặc dù với Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005, NHNN đã có một bước tiến dài trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế, tiến gần tới chuẩn mực quốc tế về trích lập dự phòng rủi ro. Nội dung của văn bản này phản ánh tương đối gần với chuẩn mực quốc tế và phù hợp với điều kiện Việt Nam hiện nay bao gồm cho phép trích lập dự phòng đối với không chỉ tài sản nội bảng như

trước đây là cả tài sản ngoại bảng, đề cập tới tài sản bảo đảm, đề cập tới dự phòng chung và dự phòng cụ thể, đồng thời cho phép TCTD căn cứ vào xếp hạng khách hàng nội bộ để thực hiện trích lập dự phòng trên cơ sở trình NHNN thông qua phương án trích lập. Tuy nhiên theo chuẩn mực quốc tế thì Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN chưa làm được là chưa đưa ra được nguyên tắc trích lập dựa trên căn cứ vào dự tính luồng tiền của từng khoản nợ, tính tỷ lệ chiết khấu để suy ra mức trích lập.

- *Quy định kế toán thống kê thiếu chuẩn mực và những chế tài xử phạt*

Hệ thống pháp luật về kế toán doanh nghiệp của Việt Nam hiện nay có thể phân ra thành ba tầng pháp lý: (i) thứ nhất là Luật kế toán và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật; (ii) thứ hai là Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam; (iii) thứ ba là chế độ, hướng dẫn kế toán cụ thể. Tuy nhiên, lại chưa hề có Chế tài xử phạt những vi phạm trong lĩnh vực kế toán. Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh chưa hạch toán kế toán theo qui định, chưa thực hiện chế độ kiểm toán bắt buộc đối với các báo cáo tài chính của doanh nghiệp, nên số liệu không phản ánh chính xác tình hình sản xuất kinh doanh tài chính của khách hàng, làm cho việc xử lý phân tích thông tin của ngân hàng cũng thiếu chính xác.

- *Các quy định về giải quyết các tranh chấp, tố tụng chưa thực sự bảo vệ quyền lợi của ngân hàng*

- Hiệu lực của cơ quan hành pháp cũng như các quy định của pháp luật chưa đáp ứng được yêu cầu giải quyết các tranh chấp, tố tụng về hợp đồng kinh tế để bảo đảm quyền lợi cho Ngân hàng trong thu hồi nợ.

- Các quy định của Pháp luật hiện nay chưa thực sự bảo vệ quyền lợi cho cán bộ làm công tác cho vay, dẫn đến tâm lý lo lắng không yên tâm làm việc cho

các cán bộ. Và đã từng có thời kỳ các khoản cho vay của NHTM bị hình sự hoá dẫn đến rất nhiều cán bộ làm công tác cho vay bị bắt bớ và quy kết trách nhiệm. Bên cạnh đó, cơ chế trả lương đối với các NHTM nhà nước vẫn thực hiện bình quân nên không tạo động lực thúc đẩy cán bộ cống hiến hết sức mình.

CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM

3.1 Cơ sở giải pháp để hoàn thiện công tác quản trị rủi ro trong hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam

Để có những giải pháp phù hợp trong công tác quản trị rủi ro hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam trước hết cần tìm hiểu định hướng phát triển của ngân hàng trong thời gian tới cũng như định hướng phát triển tín dụng của ngân hàng. Bên cạnh đó căn cứ vào thực trạng quản trị rủi ro, các hạn chế cũng như nguyên nhân gây nên rủi ro trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng như phân tích tại chương II để đưa ra các giải pháp mang tính thực thi và ứng dụng được trong nội tại của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam.

❖ Định hướng phát triển của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam trong thời gian tới

Mục tiêu của VIB là trở thành một trong ba ngân hàng thương mại cổ phần đầu tại Việt Nam vào năm 2013

Tầm nhìn của VIB là trở thành ngân hàng sáng tạo và hướng tới khách hàng nhất Việt Nam

Để đạt được mục tiêu trở thành một trong ba ngân hàng thương mại cổ phần đầu tại Việt Nam vào năm 2013, VIB đang thực hiện một số các hành động như:

- Tiếp tục triển khai nhiều hoạt động nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng như tiếp tục xây dựng và duy trì văn hóa bán hàng và dịch vụ tại VIB, hoàn thiện việc chuyển đổi mô hình bán hàng và dịch vụ

- Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực: Thông qua việc triển khai áp dụng tiêu chí đánh giá hiện quả làm việc, hệ thống báo cáo quản trị, xây dựng chương trình phát triển nhân tài, triển khai chương trình đào tạo trên toàn hệ thống, tăng năng suất lao động của nhân viên
- Tăng trưởng doanh thu và huy động vốn: tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu để hấp thụ vốn của cổ đông, chú trọng sản phẩm phi tín dụng; tập trung, chuẩn hóa sản phẩm theo các phân khúc khách hàng đã được lựa chọn
- Tối ưu hóa chi phí hoạt động: Giảm tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu thân theo định hướng tăng trưởng chi phí chậm hơn tăng trưởng doanh thu, chuẩn hóa quy trình mua sắm, quy trình quản lý tài sản và triển khai các chuẩn mực ứng xử trong kinh doanh
- Tăng cường quản lý rủi ro: Với việc khiên khai dự án cải tổ tín dụng, tăng cường chức năng kiểm soát nội bộ; xây dựng hệ thống công cụ quản lý rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động, duy trì hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ
- Phát triển mạng lưới hoạt động: Tiếp tục phát triển mạng lưới chi nhánh/phòng giao dịch, chú trọng phát triển tại các thành phố lớn
- Phát triển thương hiệu VIB với mục đích được nhiều khách hàng biết đến, tạo tiền đề cho phát triển kinh doanh
- Phát triển hệ thống: tiếp tục triển khai các chương trình phát chuyển đổi hệ thống

❖ Định hướng phát triển hoạt động cho vay của VIB

Nhằm đạt được mục tiêu và tầm nhìn như trên ngoài hàng loạt các hành động mà Ngân hàng đã và đang làm như: triển khai các hoạt động nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, chất lượng nhận lực, tăng trưởng doanh thu và huy

động vốn, tối ưu hóa chi phí, tăng cường công tác quản lý rủi ro,... thì ngân hàng cũng thực hiện một số những định hướng trong hoạt động cho vay như:

- VIB đang tập trung cho vay vào phân khúc khách hàng cụ thể tại nhiều tỉnh, thành phố theo đó VIB tập trung vào khách hàng có nguồn thu nhập cao, khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- VIB đang tập trung vào ngân hàng bán lẻ, theo đó VIB sẽ tập trung hơn vào việc tăng trưởng dư nợ đối với khách hàng cá nhân
- Dừng cấp tín dụng đối với những ngành hàng/ sản phẩm có tỷ lệ nợ quá hạn/ tổng dư nợ ngành hàng đó vượt quá 5% hoặc có tỷ lệ nợ xấu/ tổng dư nợ ngành hàng đó vượt 2%
- Hạn chế cấp tín dụng đối với những ngành hàng / sản phẩm có tỷ lệ nợ quá hạn/ tổng dư nợ ngành hàng đó vượt quá 7% hoặc có tỷ lệ nợ xấu/ tổng dư nợ ngành hàng đó vượt 3%
- Tăng tốc độ tăng trưởng dư nợ khoảng: 15-17%/năm
- Duy trì nợ quá hạn <3%
- Tỷ trọng cho vay trung dài hạn: 40% vào năm 2012

❖ Các hạn chế đang tồn tại gây nên rủi ro trong hoạt động tín dụng tại ngân hàng như:

- Các quy trình trong hoạt động cho vay
- Hệ thống đo lường rủi ro
- Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ
- Trình độ, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ làm công tác cho vay và thẩm định
- Hệ thống quản lý thông tin

3.2 Mục tiêu của việc hoàn thiện công tác quản trị rủi ro trong hoạt động tín dụng tại Ngân hàng

Đối với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam thì tín dụng vẫn là một trong những hoạt động kinh doanh chủ yếu của Ngân hàng. Do đó, rủi ro tín dụng có tác động rất lớn đối với hoạt động ngân hàng, nó không chỉ gây sự biến động lớn trong lợi nhuận mà còn có thể ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng phá sản của ngân hàng. Gần đây, công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam đã được chú trọng hơn song nhìn chung chưa được tiến hành một cách bài bản, hệ thống quy trình còn lỏng lẻo, trình độ cán bộ nhân viên còn yếu kém về nghiệp vụ, về tuổi nghề,...

Chính vì vậy, trong khuôn khổ của luận văn này mục đích chính là phân tích thực trạng quản trị rủi ro trong hoạt động tín dụng, tìm ra được điểm mạnh điểm yếu, những hạn chế và nguyên nhân. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm mục tiêu giảm thiểu rủi ro tín dụng, từng bước chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ cho vay, nâng cao chất lượng tín dụng, tăng cường lợi nhuận cho ngân hàng.

3.3 Các giải pháp tăng cường quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam

3.3.1 Xây dựng chiến lược cho vay.

a. Cơ sở của giải pháp xây dựng chiến lược cho vay

Mặc dù Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam đã xác định đúng chiến lược hoạt động đối với công tác cho vay như xác định đối tượng cho vay, tập trung vào khách hàng cá nhân,.... Tuy nhiên, các chính sách cho vay của Ngân hàng còn chung chung chưa xác định được cụ thể tỷ lệ đầu tư vào từng danh mục, từng nhóm khách hàng, ngành hàng, từng gói sản phẩm cho vay,...

Do vậy, nhiều khi các chi nhánh thực hiện, triển khai chưa thực sự đúng với những định hướng đã đề ra và tại Hội sở chính chưa đề ra các công cụ kịp thời để hạn chế.

b. Mục tiêu của giải pháp xây dựng chiến lược cho vay

Để nhằm giảm thiểu sự phát triển tín dụng theo cách bộc phát tại từng chi nhánh như hiện nay thì chúng ta cần đưa ra giải pháp cho việc xây dựng chiến lược cho vay vì chính sự phát triển tín dụng theo cách bộc phát không theo định hướng sẽ rất dễ gây rủi ro như rủi ro về ngành hàng, nhóm khách hàng, gói sản phẩm,...

c. Giải pháp đề ra cho việc xây dựng chiến lược cho vay

Một số giải pháp vĩ mô nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam như sau:

- Căn cứ tình hình hoạt động hiện nay của bản thân ngân hàng cũng như tình hình phát triển kinh tế của cả nước, dự đoán xu hướng phát triển trong tương lai, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam cần xây dựng chiến lược phát triển hoạt động cho vay mang tính dài hạn (ít nhất 10 năm) nhằm làm cơ sở để hoạch định chiến lược cho vay hàng năm, chính sách tín dụng cụ thể theo đúng định hướng.
- Trên cơ sở chiến lược hoạt động cho vay mang tính dài hạn, xác định cụ thể hơn với lộ trình cụ thể các lĩnh vực, mặt hàng, nhóm khách hàng cần tăng trưởng mở rộng, các đối tượng khách hàng cần thu hẹp cũng như các biện pháp thực hiện. Bên cạnh các mục tiêu tăng trưởng phải xác định rõ mức độ rủi ro có thể chấp nhận khi mở rộng vào các thị phần mới.

- Trên cơ sở chiến lược phát triển dài hạn, hàng năm, chính sách phát triển cho vay hàng năm cần được xây dựng một cách khoa học, có phương pháp luận theo từng mặt hàng trọng yếu, lĩnh vực đầu tư, từng nhóm khách hàng cũng như đề ra các công cụ, biện pháp để đạt được chính sách đó.

- Một chính sách đầu tư hợp lý phải đảm bảo đạt được mức độ tăng trưởng cho vay với một cơ cấu đầu tư hợp lý để đảm bảo tăng trưởng cả về qui mô và chất lượng. Trong thời gian tới cơ cấu cho vay hợp lý sẽ phải đảm bảo các định hướng sau:

- ✓ Đa dạng hoá các nhóm khách hàng tiềm năng thông qua việc tiếp tục thực hiện các Chương trình cho vay SME, Chương trình cho vay FDI, Chương trình mở rộng cho vay khách hàng cá nhân.
- ✓ Đối tượng cho vay của ngân hàng cũng cần dịch chuyển theo hướng: Giảm dần tỷ trọng cho vay đối với kinh doanh thương mại thuần túy, mở rộng cho vay các dự án đầu tư đổi mới trang thiết bị và dây chuyền sản xuất hiện đại để đem lại lợi nhuận ổn định từ dự án.
- ✓ Đa dạng hoá các sản phẩm cho vay để tạo nên các sản phẩm khác biệt so với các ngân hàng bạn để tạo ra lợi thế cạnh tranh thu hút thêm các khách hàng mới.
- ✓ Tăng tỷ lệ cho vay có bảo đảm bằng tài sản tại từng chi nhánh và toàn bộ NHNT.
- ✓ Duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp nhất dưới 3%.

3.3.2 Quản lý danh mục tiền vay.

a. Cơ sở giải pháp quản lý danh mục tiền vay

Danh mục tiền vay (DMTV) là danh mục tất cả các khoản vay của ngân hàng tại một thời điểm nhất định. DMTV được trình bày theo nhiều tiêu thức

khác nhau: khách hàng, mặt hàng, sản phẩm, khu vực địa lý... Những khoản vay trong cùng một lĩnh vực sẽ có cùng đặc điểm rủi ro nên một khi có những yếu tố ảnh hưởng bất lợi tới nhóm khoản vay có độ tập trung cao sẽ làm cho rủi ro tiềm ẩn đối với ngân hàng lớn hơn rất nhiều. Do vậy, việc kiểm soát các rủi ro tiềm ẩn của các nhóm khoản vay cũng không kém phần quan trọng hơn việc quản lý rủi ro trong từng khoản vay. Hơn nữa, việc theo dõi, đánh giá toàn DMTV sẽ cung cấp một bức tranh hoàn hảo hơn về mức độ rủi ro tín dụng của ngân hàng.

b. Mục tiêu của giải pháp quản lý danh mục tiền vay

Bên cạnh mục đích quản trị rủi ro, việc quản lý DMTV còn cho phép đưa ra những định hướng đầu tư có lợi cho ngân hàng. Bằng việc phân tích DMTV, ngân hàng có thể đánh giá được ngành hàng nào, sản phẩm nào, khách hàng nào thì cho vay có hiệu quả, an toàn và thích hợp với đặc thù của ngân hàng tại mỗi địa phương và trong từng thời kỳ khác nhau.

Hiện nay, tín dụng là hoạt động chính yếu đem lại thu nhập cho ngân hàng và cũng chứa đựng nhiều rủi ro nhất. Vì vậy sự tồn tại và thành công của một ngân hàng phụ thuộc vào khả năng quản lý một danh mục tài sản có đảm bảo sự cân đối giữa thu nhập và chi phí, cơ hội và rủi ro.

c. Giải pháp đề ra cho việc quản lý danh mục tiền vay

Lập kế hoạch Danh mục tiền vay chiến lược là công việc đầu tiên trong quản lý Danh mục tiền vay. Thông qua chiến lược kinh doanh của ngân hàng trong ngắn hạn và dài hạn, triển vọng môi trường kinh doanh, sự phân tích DMTV hiện tại và khả năng chịu đựng rủi ro của ngân hàng để xác định mục tiêu của danh mục bao gồm:

- (1) Chất lượng danh mục;
- (2) Cơ cấu danh mục;
- (3) Tỷ lệ tăng trưởng;
- (4) Lợi nhuận dự kiến.

- **Chất lượng danh mục:** tùy thuộc vào từng thời điểm, ngân hàng sẽ đặt ra yêu cầu về chất lượng tài sản có khác nhau. Thông qua hệ thống các tiêu chí phê duyệt khoản vay, ngân hàng sẽ kiểm soát chất lượng tài sản có và định hướng hoạt động cho vay đối với từng nhóm khoản vay và/hoặc toàn danh mục. Trong trường hợp mong muốn nâng cao chất lượng tài sản và giảm thiểu rủi ro, ngân hàng sẽ thắt chặt các điều kiện cho vay. Ngược lại, nếu chiến lược kinh doanh đặt ra là mở rộng tăng trưởng tín dụng thì ngân hàng sẽ nới lỏng những tiêu chuẩn áp dụng - theo đó chất lượng danh mục sẽ giảm sút và độ rủi ro tiềm tàng sẽ gia tăng.
- **Cơ cấu danh mục:** Mục tiêu về cơ cấu danh mục sẽ kiểm soát mức độ tập trung của danh mục theo từng lĩnh vực kinh doanh, loại khách hàng, sản phẩm, khu vực địa lý... kế hoạch cần chỉ ra những lĩnh vực nào cần thu hẹp hay mở rộng ở mức độ bao nhiêu. Một danh mục có sự tập trung cao vào một số ít khách hàng, trong vài ngành hàng nhất định sẽ chứa đựng độ rủi ro tiềm tàng rất cao. Tuy nhiên, cũng đã có một số nghiên cứu chỉ ra rằng một khi danh mục tài sản có quá phân tán cũng sẽ làm giảm lợi nhuận và tăng rủi ro cho ngân hàng.
- **Tỷ lệ tăng trưởng:** căn cứ vào điều kiện và mức độ cạnh tranh của thị trường, năng lực cho vay (vốn, chuyên môn,...) và khả năng chịu rủi ro, ngân hàng sẽ đặt ra mục tiêu tỷ lệ tăng trưởng trong từng thời kỳ.
- **Lợi nhuận dự kiến:** lợi nhuận dự kiến của danh mục phụ thuộc vào chính sách định giá (lãi suất cho vay).

3.3.3 Hoàn thiện các quy trình trong hoạt động cho vay

a. Cơ sở giải pháp hoàn thiện các quy trình trong hoạt động cho vay

Trên cái nhìn khách quan về thực trạng tình hình quản trị rủi ro tín dụng tại VIB ta thấy VIB thực hiện hoạt động cho vay thông qua một loạt các quy trình khép kín tuy nhiên các quy trình hiện tại mà VIB đang thực hiện còn rất nhiều bất cập.

- Quy trình thẩm định và phê duyệt tín dụng cũng vậy mặc dù VIB đã có phân cấp thẩm quyền tới từng trưởng đơn vị kinh doanh, tùy theo cấp bậc, trình độ, kinh nghiệm làm việc cũng như quá trình quản lý rủi ro tín dụng mà thẩm quyền phê duyệt của trưởng đơn vị có thể tăng hoặc giảm. Tuy nhiên vẫn không tránh khỏi việc người có thẩm quyền phê duyệt cho 1 khách hàng vay với số tiền lớn thông qua việc đứng tên nhiều khách hàng khác nhau. Hiện tại VIB chưa có biện pháp ngăn chặn việc cho vay trên 1 nhóm khách hàng như trên.

- Quy trình thẩm định và quản lý tài sản đảm bảo

Mặc dù VIB cũng đã có quy trình thẩm định và quản lý tài sản đảm bảo tuy nhiên còn nhiều bất cập như: vẫn xảy ra trường hợp tài sản được định giá vượt so với giá thực tế để đảm bảo cho mục đích vay vốn hay sự bất hợp lý trong công tác quản lý hồ sơ tài sản bảo đảm

- Quy trình quản lý nợ và thu hồi nợ

VIB đã thành lập trung tâm quản lý và thu hồi nợ theo đó thì toàn bộ những khoản vay có vấn đề đều được trung tâm quản lý và nhắc nhở đôn đốc tới các khách hàng. Tuy nhiên, hình thức nhắc nhở thông thường như qua điện thoại, email, thông báo bằng văn bản. Các trường hợp nhắc nhở sát với thực tế như gặp gỡ với khách hàng có được thực hiện nhưng tần suất còn ít. Đồng thời các cán bộ

tại trung tâm quản lý và thu hồi nợ thì đa phần đều là các cán bộ được luân chuyển từ các bộ phận khác, thiếu kinh nghiệm về thu hồi nợ.

Chính những bất cập trên yêu cầu cần có các giải pháp cho việc hoàn chỉnh các quy trình nghiệp vụ cho vay của VIB và đó cũng chính là cơ sở giúp ta đưa ra được giải pháp đúng đắn.

b. Mục tiêu của giải pháp hoàn thiện các quy trình trong hoạt động cho vay

Một trong những điểm nhằm hạn chế lớn rủi ro tín dụng do nguyên nhân chủ quan từ phía ngân hàng đó là việc ngân hàng phải tự xây dựng cho mình được các quy trình trong hoạt động cho vay một cách chuẩn mực nhất. Chính vì vậy mục tiêu của việc đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy trình trong hoạt động cho vay là nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro trong hoạt động tín dụng do nguyên nhân chủ quan từ phía ngân hàng đồng thời khép kín quy trình nhằm hạn chế cán bộ tín dụng lợi dụng các kẽ hở để của quy trình tiến hành trục lợi ngân hàng từ các phi vụ tín dụng.

c. Giải pháp đề ra cho việc hoàn thiện các quy trình trong hoạt động cho vay

➤ *Quy trình thẩm định và phê duyệt tín dụng*

- Đối với quy trình này hiện tại VIB đang giao thẩm quyền thẩm định và phê duyệt tín dụng theo hạn mức nhất định cho trưởng đơn vị kinh doanh như hiện nay thì VIB nên xây dựng mô hình phê duyệt tín dụng tập trung. Theo đó sẽ có 2 trung tâm phê duyệt tín dụng tập trung cho 2 miền Bắc và Nam, theo đó toàn bộ các khoản vay của các chi nhánh thuộc Miền Bắc sẽ do trung tâm phê

duyệt tập trung tại Miền Bắc đảm nhận và phê duyệt; các khách hàng vay ở các chi nhánh thuộc Miền Nam sẽ do trung tâm tại miền Nam thực hiện.

Việc làm này hạn chế rất nhiều rủi ro về tín dụng như: Kiểm soát được chặt chẽ mục đích vay vốn, tài sản đảm bảo thế chấp, hồ sơ trước khi giải ngân,...

- Mô hình phê duyệt tín dụng tập trung đã được áp dụng thành công tại một số tổ chức tín dụng như: Techcombank, Seabank,...Như vậy, VIB hoàn toàn có thể áp dụng mô hình này

➤ ***Quy trình thẩm định và quản lý tài sản đảm bảo***

- *Đối với quy trình thẩm định:*

- Quản trị rủi ro đầu nguồn bằng cách tất cả những khoản vay từ 1 tỷ đồng trở lên đều do định giá độc lập thực hiện và áp dụng ở tất cả các chi nhánh của VIB không phân biệt vùng miền như trước đây chỉ thực hiện tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh

- Tại các chi nhánh thành lập tổ định giá độc lập để tiến hành định giá những khoản vay có giá trị thấp dưới 1 tỷ đồng

- *Đối với quy trình quản lý tài sản đảm bảo:*

- Thay vì hồ sơ TSĐB được lưu trữ tại 2 nơi như hiện nay, VIB nên lưu trữ tài sản đảm bảo tại 1 nơi, toàn bộ hồ sơ phải được lưu trữ và tập hợp lại tại bộ phận giao dịch tín dụng tại vùng. Với cách làm như vậy sẽ tránh được việc tự ý xuất, nhập tài sản đảm bảo của ĐVKD

- Việc hoàn thiện thủ tục đảm bảo tiền vay cần giao hoàn toàn cho bộ phận giao dịch tín dụng, không tách giữa tài sản là động sản và bất động sản như hiện nay. Có như vậy mới đảm bảo được toàn bộ khoản vay được đăng ký giao dịch đảm bảo trước khi giải ngân.

- Có bộ phận riêng biệt hoặc 1 bên thứ ba độc lập chịu trách nhiệm trong việc luân chuyển chứng từ, hồ sơ tài sản đảm bảo giữa giao dịch tín dụng và ĐVKD

➤ ***Quy trình quản lý nợ và thu hồi nợ***

- *Quy trình quản lý nợ:*

- Nên có quy định tất cả những khoản vay high risk đều được chuyển lên trung tâm quản lý nợ thay vì chỉ xử lý những khoản vay từ nhóm 3 trở lên
- Việc nhắc nợ khách hàng phải được kết hợp cả hình thức tự động như qua tin nhắn SMS, email, văn bản,... và qua hình thức gặp gỡ trực tiếp khách hàng
- Thường xuyên kết hợp việc thu hồi nợ và kiểm tra sau cho vay khách hàng, kiểm tra tình hình tài chính, tài sản đảm bảo, tình hình sử dụng vốn vay,... từ đó đưa ra các nhận định về khả năng trả nợ của khách hàng trong tương lai

- *Quy trình thu hồi nợ*

- Việc thu hồi nợ cần được kết hợp giữa đơn vị kinh doanh- nơi trực tiếp quản lý khách hàng, phê duyệt khoản vay và bộ phận thu hồi nợ không nên đẩy trách nhiệm thu hồi những khoản nợ xấu về phòng quản lý nợ như hiện nay;
- Cán bộ thu hồi nợ cần được đào tạo, trau dồi kiến thức hơn nữa nhất là kiến thức về luật pháp

3.3.4 Hoàn thiện hệ thống đo lường rủi ro

a. Cơ sở đưa ra giải pháp hoàn thiện hệ thống đo lường rủi ro

- Hệ thống phân hạng khách hàng trên cơ sở chấm điểm khách hàng còn đơn giản, mới có 9 nhóm khách hàng, trong khi tính đa dạng của các loại khách hàng rất cao. Hệ thống chấm điểm xếp hạng khách hàng cá nhân mặc dù đã được xây dựng và áp dụng nhưng các chỉ tiêu chưa phù hợp với thực tế còn nhiều chỉ tiêu định tính nên chưa phản ánh được một cách chính xác tình trạng của khách hàng

Bên cạnh đó hệ thống chấm điểm khách hàng của VIB vẫn còn nhiều bất cập như: Chỉ mở chấm điểm cho khách hàng khi phát sinh khách hàng mới còn đối với khách hàng cũ phải chấm theo định kỳ. Thông thường đối với khách hàng cũ 1 năm chấm lại điểm khách hàng 1 lần và xếp hạng lại khách hàng.

- Các quy định về việc trích lập và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN đã tạo ra một bước nhảy trong việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, tiệm cận với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, hiện cũng mới dừng lại ở phân loại nợ theo tình trạng hiện tại của nhóm nợ (nợ trong hạn, hay nợ quá hạn, quá hạn dưới 90 ngày, từ 90-180 ngày, từ 180-360 ngày và từ 360 trở lên), chứ chưa có sự phân loại và trích lập dự phòng rủi ro trên cơ sở định tính xếp hạng khách hàng.

b. Mục tiêu của việc hoàn thiện hệ thống đo lường rủi ro

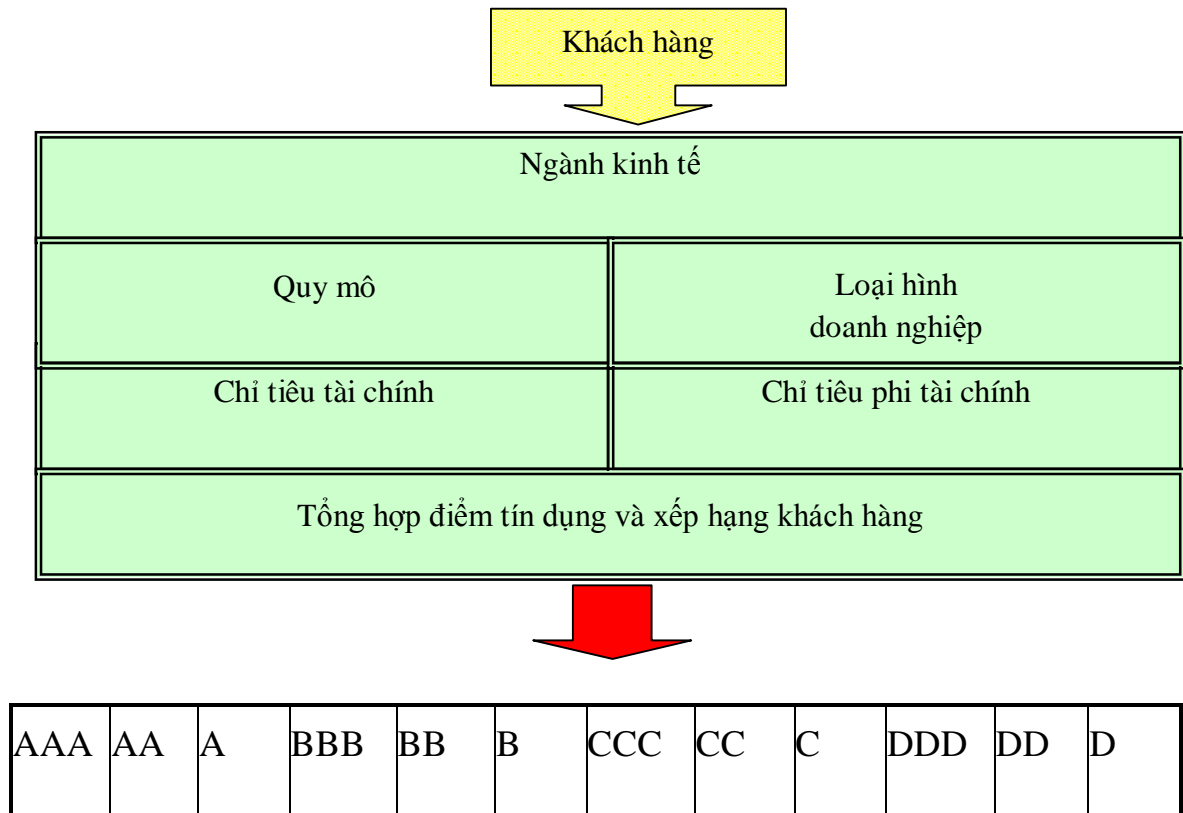
Việc hoàn thiện được hệ thống đo lường rủi ro khi đó mới đánh giá đúng thực chất khách hàng và phân loại nợ cũng như trích dự phòng rủi ro chính xác. Việc đánh giá đúng được thực chất khách hàng ngay từ khi thẩm định căn cứ vào công cụ đo lường rủi ro là một bước giảm thiểu rủi ro tín dụng tiềm ẩn trong tương lai một cách hiệu quả nhất

c. Giải pháp đưa ra cho việc hoàn thiện hệ thống đo lường rủi ro

Một số giải pháp cho việc hoàn thiện hệ thống đo lường rủi ro như:

- Cải thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ trên cơ sở chấm điểm khách hàng từ 9 nhóm khách hàng hiện nay lên 12-15 nhóm và tiến tới 22 nhóm xếp hạng. Rà soát lại Hệ thống chấm điểm xếp hạng khách hàng cá nhân để thiết lập hệ thống phân hạng khách hàng cá nhân theo chuẩn mực quốc tế, phù hợp với điều

kiện Việt Nam. Đa dạng hoá hệ thống chấm điểm và xếp hạng khách hàng theo từng nhóm ngành nghề đa dạng như thực tế hiện nay. Cụ thể



Sơ đồ: 3.1 Phân loại xếp hạng khách hàng

Nguồn: Quy trình chấm điểm khách hàng của VIB năm 2011

- Xây dựng mô hình xác định giá trị cho vay trên cơ sở đánh giá rủi ro của từng khoản vay và nguồn vốn huy động.
- Xây dựng hệ thống trích lập và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trên cơ sở đánh giá rủi ro cho vay thông qua hệ thống xếp hạng nội bộ khách hàng, xác định dự báo luồng tiền của từng khoản nợ, giá trị tài sản bảo đảm của từng khoản nợ.

Thực hiện trích lập dự phòng chung và dự phòng cụ thể cho từng loại sản phẩm vay tương ứng cho phù hợp.

3.3.5 Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ

- Xây dựng mô hình kiểm tra kiểm soát nội bộ theo chiều dọc, tức Bộ phận kiểm tra nội bộ tại các Chi nhánh sẽ hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ phận kiểm tra nội bộ tại Hội sở chính, không chịu sự chi phối của Giám đốc Chi nhánh; Bộ phận kiểm tra nội bộ tại Hội sở Chính sẽ do Hội đồng quản lý rủi ro chỉ đạo trực tiếp, không chịu sự chi phối của Tổng giám đốc.
- Tăng cường, bổ sung cán bộ chuyên trách làm việc tại Bộ phận kiểm tra nội bộ có đủ năng lực trình độ và đã trải qua kinh nghiệm thực tế làm cho vay tại Hội sở chính cũng như tại Chi nhánh.
- Ban hành quy trình làm việc cho Công tác kiểm tra nội bộ nhằm tránh tình trạng hoạt động một cách tùy tiện, không mang tính chuẩn mực cao. Quy trình của Công tác kiểm tra nội bộ bao gồm thời gian kiểm tra, nội dung kiểm tra, trách nhiệm của Bộ phận kiểm tra, các hình thức xử lý đối với những vi phạm quy định về Chính sách cho vay. Nội dung kiểm tra bao gồm :
 - Kiểm tra tính tuân thủ Chính sách cho vay của các Bộ phận thực hiện hoạt động này (từ Hội sở chính đến từng chi nhánh) bao gồm (i) kiểm tra từng khoản vay: Kiểm tra hồ sơ cho vay, kiểm tra hồ sơ đảm bảo nợ vay; (ii) Kiểm tra việc thực hiện các định hướng, chính sách của Hội sở chính như định hướng về mặt hàng, lĩnh vực đầu tư, về áp dụng các công cụ quản lý rủi ro của từng Chi nhánh cũng như các Phòng Ban tại Hội sở chính.
 - Kiểm tra văn hóa doanh nghiệp, phong cách phục vụ khách hàng của cán bộ.

- Phát hiện những dấu hiệu rủi ro đối với từng khoản vay cũng như danh mục đầu tư của chi nhánh để kịp thời báo cáo Hội đồng quản lý rủi ro có biện pháp xử lý.
- Định kỳ 6 tháng kiểm tra chi nhánh 1 lần thay vì 1 năm 1 lần như hiện nay. Đồng thời đối với hoạt động cho vay yêu cầu hồ sơ phải được kiểm tra tối thiểu 80% tổng số hồ sơ của chi nhánh
- Thời lượng kiểm tra nên tùy thuộc vào chất lượng hồ sơ cũng như là số lượng hồ sơ cần kiểm tra, không cố định định kỳ kiểm tra 10 ngày cho 1 chi nhánh như hiện nay
- Ngoài việc kiểm tra về bề mặt hồ sơ cần kiểm tra cả tình hình thực tế của khách hàng
- Cần ban hành mức độ xếp hạng vi phạm đối với ĐVKD (ví dụ: vi phạm ở mức độ A, B, C, D,...)trong quá trình kiểm tra và có quy định mức xử lý vi phạm đối với từng mức độ vi phạm cụ thể

3.3.6 Nâng cao trình độ cán bộ và hạn chế rủi ro đạo đức nghề nghiệp

Con người luôn là yếu tố quyết định mọi thành công vì vậy rất cần thiết phải hoạch định riêng một chiến lược tuyển dụng, đào tạo cán bộ nhất là cán bộ làm công tác thẩm định, cho vay, giám sát, kiểm toán và cả cán bộ cấp cao như trưởng ĐVKD. Quy trình cho dù có chặt chẽ đến đâu đi nữa nhưng con người không có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp thì mọi rủi ro vẫn có thể xảy ra và rủi ro do con người mới là rủi ro lớn nhất. Để ngăn chặn, nâng cao trình độ, nhận thức trách nhiệm của cán bộ nhân viên thì VIB nên:

- Sàng lọc nhân sự ngay tại đầu vào tuyển dụng
- Toàn bộ nhân viên mới khi được tuyển dụng cần được đào tạo nghiệp vụ một cách khoa học, bài bản. Nhân viên được tuyển dụng vào vị trí nào thì cần được

đào tạo nghiệp vụ cho vị trí đó qua trung tâm đào tạo và phải đạt được chứng chỉ trước khi vào làm việc thực tế. Không thực hiện việc đào tạo kiểu cầm tay chỉ việc như hiện nay

- Có kế hoạch nhân sự lâu dài, tránh bị động thiếu mới tuyển dụng và tuyển là làm như hiện nay, không đào tạo không chuyên sâu
- Xây dựng chính sách thưởng phạt rõ ràng, công minh. Trong quy chế nêu rõ quyền lợi và đặc biệt là trách nhiệm của cán bộ tín dụng. Có cơ chế kỷ luật nghiêm đối với những cán bộ làm sai quy chế, quy trình và thường xuyên cảnh báo trên phạm vi toàn hệ thống làm gương;
- Đối với cán bộ thanh tra, kiểm soát, giám sát tín dụng cũng cần phải được đào tạo chuyên sâu, có được làm việc thực tế trước khi làm việc tại bộ phận kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ. Đồng thời cũng phải phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm đối với bộ phận này để tránh trường hợp bao che khi tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động của ĐVKD
- Nên có cơ chế sàng lọc, thanh trừ nhân sự hàng năm để mọi người có ý thức, trách nhiệm với công việc hơn tránh tình trạng làm cũng như không làm

3.3.7 Hiện đại hóa hệ thống thông tin quản lý

Tích cực đổi mới hoạt động của Bộ phận thông tin tín dụng tại Hội sở chính nhằm đạt được yêu cầu đặt ra của công tác thông tin tín dụng thông qua việc tuyển lựa và đào tạo cán bộ chuyên sâu đáp ứng được yêu cầu của công việc:

- Lập tổ chuyên trách thực hiện quản lý, thu thập, xử lý, cung cấp thông tin chi tiết theo từng danh mục đầu tư, lĩnh vực cho vay, từng khách hàng (thông tin tài chính và phi tài chính), từng khoản vay... để bộ phận kinh doanh có thể phân tích đánh giá danh mục đầu tư phục vụ công tác quản trị điều hành hoạt động cho vay.

- Hình thành tổ chuyên nghiệp gồm những chuyên gia có khả năng phân tích, đánh giá, tổng hợp và đưa ra các dự báo trong tương lai về mặt hàng, lĩnh vực kinh tế, chính sách của Nhà nước, bộ ngành trên phạm vi cả nước cũng như từng địa phương một cách kịp thời để trợ giúp cho NHNT trong việc hoạch định chính sách cho vay nói chung và từng khoản vay nói riêng.

Để đạt được mục tiêu nêu trên thì cần phải áp dụng triệt để hệ thống công nghệ trong việc thu thập, xử lý, cung cấp các thông tin, số liệu nhằm đạt ược yêu cầu tự động hóa, giảm tới mức tối thiểu việc thu thập thông tin bằng phương pháp thủ công.

Cần ban hành Quy chế thông tin trong nội bộ hệ thống trong đó quy định trách nhiệm cũng như quyền hạn của các Chi nhánh trong việc cung cấp thông tin cũng như sử dụng thông tin. Thiết lập hệ thống thông tin nội bộ có khả năng nắm được các thông tin về danh mục đầu tư, đặc biệt nhóm khách hàng liên quan nhằm trợ giúp cho Bộ phận quản lý rủi ro.

Cần thiết lập các thỏa ước và dành một phần chi phí nhằm thu thập và mua thông tin từ các Cơ quan cung cấp thông tin chuyên nghiệp cũng như các Bộ, ngành của Nhà nước nhằm khai thác kịp thời các thông tin về tình hình kinh tế, tình phát triển một số ngành, lĩnh vực mà NHNT thực hiện đầu tư.

Xây dựng chế độ đãi ngộ, lương thưởng thỏa đáng đối với những chuyên gia thông tin có khả năng phân tích, đánh giá, dự báo.

3.3.8 Hiện đại hóa công nghệ thông tin

Tiếp tục thực hiện và đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Dự án hiện đại hóa công nghệ tin học nhằm áp dụng các phần mềm công nghệ hiện đại để mở rộng và

nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng được yêu cầu về quản lý trong hoạt động ngân hàng và hoà nhập với cộng đồng ngân hàng quốc tế.

Xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống công nghệ tin học tổng thể, mang tính dài hạn có lộ trình, tránh tình trạng phát triển manh mún như hiện nay, bao gồm:

- Kế hoạch phát triển các phần mềm ứng dụng như việc phát triển phần mềm luân chuyển chứng từ. Với chức năng này chỉ cần 1 bộ phận input dữ liệu đầu vào, qua kiểm soát và toàn bộ chứng từ được luân chuyển, lưu trữ trên sever, thông qua đó các bộ phận liên quan đều sử dụng tới thông tin đầu vào đó của khách hàng. Với tính năng này cho phép giảm thiểu thời gian giao dịch, độ chính xác về thông tin giữa các khâu, thông tin được bảo lưu và chính xác
- Lên kế hoạch chỉnh sửa, nâng cấp phần mềm corebank đảm bảo hệ thống thông tin, dữ liệu được quản lý chính xác, khoa học

3.4 Một số kiến nghị

3.4.1 Đối với ngân hàng nhà nước

NHNN cần có chính sách rõ ràng đối với các TCTD: tách bạch chức năng kinh doanh của Ngân hàng thương mại quốc doanh khỏi chức năng thực hiện “chính sách” của Nhà nước.

NHNN cần rà soát các văn bản chồng chéo, thiếu đồng bộ, không còn phù hợp với thực tế. NHNN cần ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn các quy định, nghị định của Chính phủ nhằm tạo điều kiện cho các Tổ chức tín dụng thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

Nâng cao hiệu lực thanh tra và quản lý của NHNN trong việc khắc phục những khuyết điểm, xử lý kiên quyết những sai phạm đã được phát hiện và chủ động có giải pháp đồng bộ với các ngành có liên quan.

Ban hành, sửa đổi các quy định liên quan tới hoạt động cho vay của TCTD theo chuẩn mực quốc tế song bảo đảm phù hợp với điều kiện của Việt Nam chẳng hạn giao dân quyền chủ động cho các TCTD trong việc trích lập sử dụng dự phòng rủi ro, chỉ tiêu phân loại khách hàng, xếp hạng khách hàng, tỷ lệ bảo đảm an toàn tài sản có...

Đổi mới toàn diện hoạt động cung cấp thông tin tín dụng: Ngân hàng Nhà nước cũng cần tập trung đổi mới và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ chế hoạt động của Trung tâm phòng ngừa rủi ro NHNN (CIC) nhằm đáp ứng được yêu cầu thông tin tín dụng của các TCTD “kịp thời, chính xác, đầy đủ, chất lượng cao”.

NHNN cần đẩy nhanh việc cấp vốn pháp định cho các NHTM trong đó có NHNT để làm cơ sở nâng cao năng lực cạnh tranh của các TCTD về giới hạn cho vay, bảo lãnh đối với khách hàng.

3.4.2 Đối với chính phủ và cơ quan chức năng

Hoạt động cho vay của ngân hàng liên quan và phụ thuộc chặt chẽ vào tình hình phát triển kinh tế của đất nước và chiến lược, chính sách kinh tế của Nhà nước. Chính vì lẽ đó, một trong những giải pháp quan trọng, giúp các TCTD nói chung và NHNT nói riêng đạt mục tiêu hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả và đạt chuẩn mực quốc tế là các giải pháp của Chính phủ.

Một số kiến nghị nhằm nâng cải thiện môi trường kinh tế, pháp luật cho các thành phần kinh tế hoạt động và phát triển, nâng cao sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập:

- Đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước thông qua một số biện pháp sau:
 - Cần có chuyển biến mạnh mẽ từ hình thức cổ phần hóa (CPH) nội bộ là chính sang hình thức bán cổ phần ra bên ngoài doanh nghiệp, kể cả việc bán cho các nhà đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó diện doanh nghiệp CPH cũng được mở rộng, không chỉ các doanh nghiệp nhỏ mà còn cả các tổng công ty lớn
 - Việc xác định giá trị doanh nghiệp cũng là một trong những khâu bức xúc nhất trong tiến trình CPH. Ban định giá bao gồm các chuyên gia từ nhiều bộ phận ngành hiện nay cần được thay bằng các đơn vị trung gian có kiến thức, kinh nghiệm trong công tác định giá để bảo đảm chính xác và khách quan, sát với thị trường. Riêng các doanh nghiệp có giá trị tài sản dưới 20 tỉ VNĐ được dự kê khai, tự định giá để cơ quan chức năng công bố giá trị doanh nghiệp tiến hành CPH

- Nhà nước cần xây dựng đồng bộ các chính sách giúp các doanh nghiệp nâng cao được năng lực cạnh tranh của mình như từ việc thực hiện tiến trình CPH DNNN, các chính sách thuế và thủ tục hành chính về nhập khẩu công nghệ sản xuất và quản lý tiên tiến phục vụ hiện đại hóa doanh nghiệp, giảm giá thành sản phẩm, chính sách đầu tư trực tiếp nước ngoài, về chương trình đào tạo nâng cao kiến thức cho các doanh nghiệp về quá trình hội nhập kinh tế...

- Công tác quản lý Nhà nước đối với các doanh nghiệp
 - Nhà nước cần có cơ chế quản lý có hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp sau khi đã được thành lập nhằm kiểm soát doanh nghiệp hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật

- Cần có biện pháp kinh tế buộc các doanh nghiệp phải chấp hành đúng pháp lệnh kế toán thống kê, thực hiện tốt công tác duyệt quyết toán và kiểm tra theo chế độ qui định để đảm bảo tính pháp lý và nguồn số liệu cung cấp.

Một số kiến nghị nhằm cải thiện môi trường hoạt động cho vay của các TCTD:

Môi trường pháp lý cho hoạt động cho vay của ngân hàng cần được cải thiện thông qua việc Nhà nước ban hành, sửa đổi, bổ sung các chính sách có liên quan và chấn chỉnh, cải cách thủ tục hành chính của các Ban ngành, địa phương:

Về bảo đảm tiền vay:

- Việc đăng ký giao dịch bảo đảm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất: Cần có văn bản hướng dẫn cụ thể quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về quyền sở hữu tài sản trên đất và đăng ký giao dịch bảo đảm tài sản trên đất khi thế chấp quyền sử dụng đất
- Cần có quy định riêng về việc thế chấp cầm cố loại tài sản khi Nhà nước giao vốn DNNN trước đây mà không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu.
- Vấn đề phát mại tài sản thế chấp

Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan thi hành luật pháp phải đẩy nhanh tiến độ xét xử các vụ án liên quan đến tài sản thế chấp, tránh dây dưa kéo dài, nâng cao hiệu lực của Cơ quan thi hành án thực hiện nghiêm túc, đúng quy định về cưỡng chế, buộc người vi phạm phải thi hành án.

Nhà nước cần chỉ đạo, chấn chỉnh và quán triệt tư tưởng tới từng địa phương bảo vệ quyền tự chủ của các TCTD trong việc xem xét cho vay, giảm thiểu việc chính quyền địa phương vẫn còn tư tưởng can thiệp quá sâu vào hoạt động cho vay của ngân hàng. Nâng cao quyền hạn gắn với trách nhiệm đối với các cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ quan nhân danh chủ sở hữu đối với doanh nghiệp

nhà nước trong việc hoạch định chủ trương kinh doanh, phê duyệt các chương trình và dự án đầu tư khi dự án này không đạt được hiệu quả mong đợi.

KẾT LUẬN

Ngân hàng là một trong những công cụ chủ yếu giúp nhà nước thực hiện các chính sách tiền tệ quốc gia. Ngân hàng là một trung gian tài chính xuất hiện từ lâu với chức năng huy động vốn trong nền kinh tế để cho vay với mọi đối tượng có nhu cầu vốn trong nền kinh tế. Ngày nay, trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, hoạt động cho vay của ngân hàng ngày càng trở nên một kênh quan trọng cung ứng vốn cho nền kinh tế, trở thành một nhân tố góp phần không nhỏ vào quá trình hội nhập.

Bên cạnh đó quá trình hội nhập kinh tế thế giới và khu vực đã đặt ra cho ngành ngân hàng Việt nam nói chung và Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam nói riêng những cơ hội đồng thời không ít thách thức. Cùng với quá trình này cạnh tranh giữa các Ngân hàng ngày càng gay gắt, đòi hỏi mỗi ngân hàng phải thực hiện đổi mới không ngừng để tồn tại và phát triển. Hoạt động cho vay là hoạt động chủ yếu của ngân hàng, mang lại phần lớn lợi nhuận cũng như rủi ro cho ngân hàng. Chính vì lẽ đó, việc tăng cường quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay đang trở thành mục tiêu mang tính trọng tâm không chỉ đối với Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam mà còn là của hầu hết các Ngân hàng thương mại hiện nay.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam cũng đã và đang nỗ lực không ngừng nhằm phát hiện kịp thời, phân tích và đưa ra những biện pháp phòng ngừa rủi ro trong hoạt động cho vay đạt mục tiêu tăng trưởng và hiệu quả. Tuy nhiên, hiện vẫn còn những tồn tại không nhỏ trong công tác quản trị rủi ro đối với hoạt động cho vay đòi hỏi phải có những khắc phục kịp thời.

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam cần tiếp tục thực hiện các giải pháp liên quan đến công tác quản trị điều hành, hoàn thiện mô hình tổ chức, xây dựng hệ thống đo lường rủi ro theo chuẩn mực quốc tế, chú trọng công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, phát triển nguồn nhân lực, hiện đại hoá hệ thống thông tin quản lý...

Vấn đề quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay là một vấn đề phức tạp đòi hỏi nhiều sự trải nghiệm thực tế, hơn nữa nghiên cứu trên đây mới chỉ là những nghiên cứu bước đầu, cần có những nghiên cứu trên phạm vi rộng để có tính ứng dụng cao hơn cho hệ thống các Ngân hàng. Hy vọng một số giải pháp đưa ra ở đây sẽ mang tính thực tiễn cao, giúp Ban lãnh đạo Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam có thêm ý tưởng trong công tác điều hành và quản trị rủi ro đối với hoạt động cho vay, để hoạt động này thực sự phát triển an toàn hiệu quả góp phần mang lại lợi nhuận cho ngân hàng không chỉ trong hiện tại mà cả trong tương lai.